



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ TÒA THÁNH TÂY NINH

BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý – 2008

Chuyên Đề 6:

TÌM HIỂU CON ĐƯỜNG TU CỦA TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

(HDV: HT. Lê văn Thêm)

Bài số 4:

“THIÊN ĐẠO GIẢI THOÁT”

Ngày 13 tháng 8 năm Mậu Tý, nhằm 16 tháng 9 năm 1948, Đức Hộ Pháp bắt đầu thuyết Đạo chỉ dạy ba con đường để về với Đức Chí Tôn, tức ba con đường tu của Đạo Cao Đài.

Kể từ ngày ấy đến nay, hơn 60 năm đã trôi qua, thế mà phần Luận giải về lời dạy của Đức Ngài để nhơn sanh noi theo đó tu lập vị vẫn chưa có.

Lý do chưa có phải chăng vì sự Luận giải gặp khó khăn?

Khó khăn thứ nhất là vì Đại Đạo quá thâm sâu, vô cùng vi diệu và tịch nhiên quảng đại, khó có thể dùng tâm chúng sanh mà hiểu hết nổi, cũng không thể lấy lời nói của thế gian mà giải bày cho trọn vẹn được. Thảo nào mà Đức Bồ Đề Đạt Ma, vị Tổ Thiên Tông Đông Độ lại chẳng nói “Phù Đạo xung hư, u vi tịch quảng, bất khả dĩ tâm hội, bất khả dĩ ngôn thuyết”. (1)

Khó khăn thứ hai là không làm sao có thể chuyển dịch và thông đạt hết được toàn vẹn yếu chĩa tôn ý của một vị Ứng Thân Thị Hiện,

mà như lời Đức Hộ Pháp đã nói: “Những lời thuyết Đạo này không phải của Phạm Công Tắc mà là của Hộ Pháp. Hộ Pháp thay lời Đức Chí Tôn nói Đạo cho toàn thể con cái của Ngài nghe, quý hay chăng là ở chỗ đó”. (2).

Do thấy rõ những khó khăn khi phải tìm hiểu phần Giáo Lý tịch nhiên quảng đại và vi diệu thâm thâm của Đại Đạo, và biết rõ rằng ngôn ngữ tâm duyên không làm sao diễn dịch hết được Thánh Ý của một Hóa Thân Hộ Pháp, vì thế nên người viết thay vì luận giải toàn vẹn lời dạy của Đức Hộ Pháp thì chỉ xin lý giải sơ lược.

Cố gắng lược giải này xin được xem như phần sơ thảo mà thôi và phần chỉ dẫn bổ túc để hoàn thiện, mong kính nhờ chư Chưc sắc, chư Tôn Đức, chư Thiện Tri Thức cũng như đồng Đạo.

Xin trước tiên được bắt đầu với “Con Đường Cửu Thiên Khai Hóa”.

PHẦN I

CON ĐƯỜNG CỬU THIÊN KHAI HÓA

Trên con đường Cửu Thiên Khai Hóa với Hội Thánh Cửu Trùng Đài, đặc điểm được ghi nhận trước nhất theo như lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, đó là các Chơn hồn phải mượn xác phàm.

Đây là cách tu “Tùng Tướng Nhập Tánh” hay “Nương sự Hiển Lý” để cho “Lý Sự Viên Dung”, mà nói rõ hơn là cách Tu tại thế của Đạo Cao Đài đã được trình bày ở Bài viết thứ hai và thứ ba trước đây.

Còn lại, với những điểm cần được ghi nhận tiếp theo, đó là những cách tu mặc dù bắt nguồn từ Giáo Lý Tam Giáo, nhưng qua lời dạy của Đức Hộ Pháp lại có những đặc trưng của Đạo Cao Đài **không hoàn toàn giống Tam Giáo**, cho thấy cách tu của Đạo Cao Đài có phần khác biệt mà nguyên nhân là do Mục đích và Tôn Chỉ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Những điểm mà Đức Hộ Pháp chỉ dạy cần được ghi nhận tiếp theo đó là:

1)- Phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Thượng Thừa - Phải có tự tín rồi tha tín, tức giác nhi giác tha.

2)- Phải Tu thân, Tề gia, Trị Quốc, Bình Thiên hạ.

3)- Phải lập Công, lập Ngôn và lập Đức.

Có làm đủ ba điểm này mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa.

Xin được lược giải từng điểm một bắt đầu từ điểm thứ nhất

PHẢI LẬP CÔNG TỪ TIỂU THỪA, TRUNG THỪA ĐẾN THƯỢNG THỪA

Trước khi lược giải về cách lập Công theo các Thừa như Đức Hộ Pháp đã thuyết Đạo trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, **có hai vấn đề quan trọng cần được minh định trong Giáo Lý của Đạo Cao Đài** mà mục đích là nhằm giúp cho Tín đồ cũng như toàn thể nhơn sanh an tâm tu tập.

Vấn đề thứ nhất là vị trí của Chư Thiên trong Giáo Lý của Cao Đài Đại Đạo.

Vấn đề thứ hai là trên cõi Trời có Pháp hay không, tức có dạy Đạo và học Đạo được hay không?

Để giải quyết vấn đề thứ nhất xin được luận bàn đến Ngũ Thừa Phật Giáo và Ngũ Chi Đại Đạo của Tôn Giáo Cao Đài.

I- NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO VÀ NGŨ THỪA PHẬT GIÁO:

Khi thuyết Đạo để dạy tu, Đức Hộ Pháp có bảo phải lập Công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa tới Thượng Thừa.

Nói lập Công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Thượng Thừa, có thể lại có ý kiến cho rằng cách tu của Đạo Cao Đài cũng chỉ là cách tu của Phật giáo mà thôi.

Sự thật không phải như vậy.

1)-Thứ nhất: Nói không phải như vậy là vì vào thuở Nhị Kỳ, Đức Chí Tôn đã cho Đức Phật Thích Ca thế nào thì đến nay vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cũng cho con cái Ngài trong Đạo Cao Đài như thế đó. **Đức Hộ Pháp trong đêm thuyết Pháp tại Đền Thánh vào Rằm tháng 5 Tân Mão (1951) có dạy rằng: “Đức Chí Tôn đã cho Đức Phật Thích Ca thế nào, Đức Chí Tôn cũng có thể cho con cái của Ngài mỗi đứa để tu giải thoát” (3)**

Nói rõ hơn, với Giáo Lý giải thoát căn cứ vào Chân đế Khổ, Đức Chí Tôn không những chỉ ban cho Đức Phật Thích Ca để Ngài dạy về Tứ Diệu Đế vào thuở Nhị Kỳ, mà vào thời Tam Kỳ, Đức Chí Tôn cũng ban cho Cao Đài Đại Đạo và Chân Lý này cũng đã được ghi rõ trong Kinh Tứ Thời và Kinh Tận Độ của Đạo Cao Đài.

Nói cách khác, với Chân Lý Khổ, thì Kinh của Đạo Cao Đài đã có ghi rành rẽ và Đức Hộ Pháp cũng có dạy rất rõ ràng. Như vậy Tín đồ Cao Đài nói riêng hay nhơn sanh nói chung khi tu theo Thể pháp và Giáo lý giống như Nam Tông Phật giáo thì đó cũng là đạo hạnh thực hành một Chân Lý, chẳng khác nào như đạo hạnh mà Đức Phật Thích Ca dạy Phật Tử vào thuở Nhị Kỳ khi Ngài nói về Chân Lý Quả Nhân Nghiệp Báo, mà chân lý Nhân Quả này cũng đã có từ bốn ngàn năm về trước, đã được ghi trong Bộ Cổ Thư Luật Mã Nổ nổi tiếng của Ấn Độ, chứ chẳng phải chỉ riêng của Đạo Phật.

Nói tóm lại, Chân Lý Khổ để có công năng giải khổ và giải thoát thập loại chúng sanh hay Bát Hồn vận chuyển là chân lý vĩnh cửu muôn đời, là sự thật vĩnh hằng dành cho muôn loài vạn loại, muôn thời muôn thuở.

2)-Thứ hai: Nói không phải như vậy là vì căn cứ vào Tự điển Phật học thì chữ Thừa có rất nhiều nghĩa mà trong đó đáng ghi nhận nhất thì Thừa có nghĩa là **“cỗ xe”** và kể đến Thừa cũng có nghĩa là Giáo lý nhà Phật. (4)

Theo Giáo lý của nhà Phật thì cách tu của Phật giáo gồm có nhiều pháp môn tu tập khác nhau (5) và ở “mỗi chặng đường đi có những quan niệm khác nhau, chú tâm của hành giả và phương tiện đến mục đích cũng khác nhau” (6), mà với Hiển Chính Luận thì trong Đạo Phật có năm Thừa được gọi là Ngũ Thừa (7)

Nói rõ hơn, theo Giáo lý và nếu sắp xếp với cấp bậc từ thấp đến cao thì đạo Phật có Ngũ Thừa gồm Nhơn Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa, mà trong đó với thứ tự từ dưới lên trên thì **Thiên Thừa ở dưới Thanh Văn và Duyên Giác Thừa.**

Còn với Đạo Cao Đài, mặc dù Giáo lý có nói về cách tu theo Tiểu Thừa, Trung Thừa, Thượng Thừa, nhưng với sự sắp xếp từ thấp đến cao để **tu và chứng** thì Đạo Cao Đài lại dạy Ngũ Chi Đại Đạo gồm có Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo.

Nói rõ hơn về con đường tu từ thấp đến cao thì Giáo lý Đạo Cao Đài có Ngũ Chi Đại Đạo. Riêng về cách tu hay Pháp môn tu thì Giáo lý Đạo Cao Đài cũng có dạy phải lập Công theo các Thừa, mà như Đức Hộ Pháp đã nói trong **Con Đường Thiêng Liêng Hằng sống** là phải lập công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Thượng Thừa.

3)-Thứ ba: Nói không phải như vậy là vì khi dụng tu theo các Thừa, Đạo Cao Đài thay vì nói Tam Thừa như Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa thì Đức Hộ Pháp lại nói Tiểu Thừa, Trung Thừa và Thượng Thừa.

Đây chính là điểm riêng biệt và khác biệt của Đạo Cao Đài, cho nên nói “không phải như vậy”, tức không hoàn toàn giống như Đạo Phật.

Đây cũng chính là điểm mà có một số ít người chưa hiểu rõ Đạo Cao Đài nên có thắc mắc, có thể đặt dấu hỏi phải chăng Đức Hộ Pháp không nắm rõ Giáo lý Đạo Phật. Sự thật cũng không phải hoàn toàn như vậy. Một vị Ứng Thân Thị Hiện, Chánh Biến Tri thì không thể nào lại chẳng hiểu rõ Phật Giáo.

Như vậy để giải tỏa thắc mắc nêu trên nếu có, nói rõ hơn là để giải đáp tại sao Đức Hộ Pháp lại nói như thế, xin được trước tiên tìm hiểu chữ Thừa trong Giáo lý Đạo Cao Đài.

II- CHỮ THỪA TRONG GIÁO LÝ ĐẠO CAO ĐÀI.

Tìm hiểu chữ Thừa trong Đạo Cao Đài có mục đích làm sáng tỏ Giáo lý Đại Đạo về vị trí của Chư Thiên.

Luận giải về chữ Thừa trong Đạo Cao Đài cũng có mục đích kế tiếp đó là để cho việc tu tập đúng theo lời chỉ dạy của Đức Hộ Pháp, đúng theo Kinh Cơ, hay nói rõ hơn đúng theo con đường tu tập của Đạo Cao Đài.

Có tìm hiểu được đến nơi đến chốn thì Giáo lý Đạo Cao Đài mới được tỏ rạng và có luận giải thực sự được rành rẽ, rõ ràng thì con đường tu có thể mới không gặp ghềnh có thể gây nên chẻ chia phân biệt, mà trái lại toàn thể tín đồ Cao Đài không chỉ kể có riêng Tòa Thánh Tây Ninh, mà tất cả, tất cả sẽ yên tâm tu hành, tu dễ dàng và rộng rãi thân thang cùng nắm tay nhau bước lên con đường siêu thăng và giải thoát.

A- Tìm hiểu:

Đạo Cao Đài dạy tu chứng từ thấp đến cao không có nói Ngũ Thừa mà chỉ nói Ngũ Chi Đại Đạo, trong đó hai Chi được đặc biệt chú trọng, được biểu dương bằng thể pháp để dạy Giáo lý và để tu, đó là Nhơn Đạo và Phật Đạo hay Thiên Đạo.

Để cho Nhơn Đạo đúng nghĩa Đại Đồng và Thiên Đạo dễ dàng đi đến giải thoát đúng như Tôn Chỉ, Mục Đích đã được đề ra, Đạo Cao Đài trong ba con đường tu chánh đã xiển dương tinh túy Giáo lý của Tam Giáo Nho, Thích, Lão.

Với ba con đường tu chánh này thì con đường thứ nhất Cửu Thiên Khai Hóa thật vô cùng quan trọng vì đã chỉ rõ hai cách tu Nho Tông và Phật Đạo, mà mục đích là để chỉ rõ và xiển dương cách tu của Đạo Cao Đài, một cách tu không xa rời Tam Giáo về nền tảng Giáo lý, nhưng có khác ở chỗ dụng công.

Thật vậy, trong con đường Cửu Thiên Khai Hóa theo Hội Thánh Cửu Trùng Đài, trước tiên Giáo lý Đạo Cao Đài đã triển khai tinh túy giáo lý của Phật Giáo không khác, nhưng cách tu lại có khác.

Trong cách tu này, Đức Hộ Pháp dạy tín đồ phải tu cũng theo các Thừa, nhưng Thừa mà Đức Hộ Pháp nói lại không hoàn toàn giống theo thứ tự như các Thừa trong giáo lý Phật giáo được phân chia bắt nguồn từ tổ chức Bộ Phái (Đại Thừa, Tiểu Thừa) hay được sắp xếp từ thấp đến cao với chủ tâm và phương tiện tu chứng để đi đến

những mục đích khác nhau (Nhơn Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa).

Đạo Cao Đài không sắp xếp các Thừa theo thứ tự từ thấp đến cao như trên chỉ vì Đạo Cao Đài - cũng theo lời dạy của Đức Hộ Pháp - là Nho Tông Chuyển Thế, mà trong Nho Tông (hay Khổng giáo), thì Đấng Tối Cao là Thượng Đế. Thượng Đế cũng có nghĩa là Thiên, hay nói nôm na thì đó là Trời (8) như đã được ghi rõ ở Chương X Tiết 5 của Sách Đại Học và Chương I của Sách Trung Dung.

Như vậy Trời, Thiên hay Thượng Đế theo Nho Giáo là Đấng Tối Cao mà đạo đức của mọi người thế gian, nhất là những bậc Thánh nhân hay Đế Vương bắt buộc phải phù hợp theo.

Thượng Đế hoặc Trời hay Thiên theo Nho Giáo thì là "Một". Tên gọi tuy có khác nhưng bản thể vẫn không hai.

Sách Đại Học nơi Chương X gọi Trời là Thượng Đế hay Thiên và Sách Trung Dung ngay nơi Chương I cũng đã nói "Thiên Mệnh chi vị Tánh", có nghĩa là cái mệnh của con người gốc ở tự Trời, tức cái mệnh là do Thiên, do Thượng Đế.

Quan niệm trên đây về Thượng Đế tức Thiên hay Trời của Nho Giáo được Đạo Cao Đài kính thờ với ý nghĩa là một Đại Thể vô biên tế, bất khả tư nghì, được hài danh bằng nhiều cách, được gọi bằng nhiều tên như Hư, Không, Vô Cực, **Thái Cực**, Đạo, Chân Như, **Trời**, **Thượng Đế**, Allah, Brahman, Atman, Eu Sof hay Bản Thể" (9).

Nói cách khác, Thượng Đế hay Trời hay Thiên, Vô Cực hay Đạo, hoặc Chơn Như hay Pháp Tánh v. v. **"Tất cả tức Một và Một tức Tất cả. Tất cả đều cùng chung một Bản Thể, một nguồn gốc vô hình, vô tướng, tuyệt đối mà Phật Giáo tạm gọi là Chơn Như, là Không, Lão Giáo gọi là Đạo hay Vô Cực, Khổng Giáo gọi là Thái Cực và Cao Đài gọi là Thầy" (10) hay là Chí Tôn.**

Nói rõ hơn, theo Đạo Cao Đài Nho Tông Chuyển Thế thì Thầy, Chí Tôn, Trời, Thiên, Thượng Đế hay Thái Cực cũng đều là Bản Thể, Bản Thể của Vũ Trụ hay Bản Nguyên của vạn loại muôn loài. Đây là nói theo Nho Tông, Khổng Giáo hay Cao Đài, nhưng cũng chẳng khác

chi Vô cực hay Đạo của Lão Giáo và Hư, Không, Chân Như Pháp Tánh của Phật Giáo.

Tất cả các danh xưng hay danh từ được dùng để gọi trên đây là để chỉ hay định nghĩa chữ Thượng Thần mà Thượng Thần thì chẳng có gì khác nhau giữa các Tôn giáo, có khác chẳng là chỉ vì ngôn ngữ tâm duyên hữu lậu đối đãi lập luận tạo nên những hỏa mù trần thế làm cho giữa các Đạo, lại có người thấy Đạo này khác biệt Đạo kia chứ thật ra **có Đạo nào lại không có mục đích tối thượng đó là đem lại hạnh phúc cho nhơn sanh trong cuộc sống hiện đời và nếu tin rằng có kiếp sau thì kiếp sau sẽ phải hơn hẳn kiếp này, nói rõ hơn là giải thể và giải thoát tất cả chúng sanh.**

Sở dĩ có luận giải như trên đây là để nói rõ ra rằng **Đạo Cao Đài không hề có phân biệt Tôn Giáo.** Đạo Cao Đài kính trọng bất cứ Đạo nào có Tôn chỉ và Mục đích tạo an bình và hạnh phúc cho tất cả vạn loại muôn loài ngay lúc còn ở thế gian này tức là giải Khổ, và hướng dẫn chỉ rõ cũng như tạo cơ hội cho tất cả hoàn toàn được tự do, tự do sống lương thiện, tự do thăng hoa, tự do vãng sanh, tự do siêu thăng, tự do giải thoát sau khi rời trần thế này.

Đến đây xin trở lại vấn đề Trời Phật, Thượng Đế hay Thiên liên quan đến thứ tự các Thừa.

Do quan niệm Trời cũng là Thượng Đế hay Thiên như đã nói trên chẳng khác chi Nho Giáo nên trong Đạo Cao Đài không có sự sắp xếp Ngũ Thừa từ dưới lên trên bắt đầu từ Nhơn Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa mà Đạo Cao Đài <chỉ sắp xếp theo ngũ chi Đại Đạo gồm có như Đạo, thần thánh tiên và Phật Đạo.>

Sự sắp xếp theo Ngũ Chi Đại Đạo cho thấy **với Đạo Cao Đài thì chư vị ở trên cõi Trời được kính là "Chư Thiên" do đó mà Đạo Cao Đài không có gọi là "Loài Trời" và sắp xếp dưới loài người dù chỉ với riêng một số người.**

Đạo Cao Đài có biết chư vị nơi cõi trời Lục Dục Thiên hay cõi trời Sắc giới vẫn còn có thể ở trong vòng ảnh hưởng của lục đạo luân hồi, nhưng dù sao thì những vị này cũng đã dày công tu tập, do đó dù là

tu Thập Thiện hay tứ Thiện Thiên v.v.. Mặc dù các vị này chưa thực chứng được Trí Vô Đối, chưa tự kiến được Tánh Không, chưa hoàn toàn phá được Ngã, Pháp, nhưng những điều đó không hề ngăn cản được Chư vị ấy có thể tiếp tục tu lúc ở các cõi Trời để đạt vị cao thăng như đắc quả Phật.

Nói rõ hơn, theo Đạo Cao Đài thì ở cõi Trời, chư vị đã đến đó vẫn có thể tiếp tục tu để đạt Đạo, vượt qua khỏi các cõi Hạo Nhiên Pháp Thiên, Phi Tướng Diệu Thiên, Tạo Hóa Huyền Thiên để đến các cõi Hư Vô Cao Thiên, Hội Nguơn Thiên và Thượng Thiên Hồn Nguơn theo như giáo lý của Đạo Cao Đài được ghi trong Kinh Di Lạc do Đức Thích Ca giảng Cơ ban cho; hoặc giả chư vị chư Thiên đó sau khi tu đạt Đạo cũng có thể ở lại Cung Trời Đâu Suất như Đức Thích Ca thuở Nhị Kỳ hay Đức Di Lạc ở Cực Lạc Thế Giới trong hiện tại.

B- Cõi Trời có Pháp hay Không?

Sở dĩ câu hỏi này được nêu ra thành một tiêu đề là vì có lập luận cho rằng ở cõi Trời không có Pháp tức là không có dạy Đạo.

Việc nói Cõi Trời không có Đạo Pháp, không có dạy Đạo cho đến ngày nay ngày càng lan rộng, ngày càng được nói nhiều hơn.

Có nhiều vị cho rằng ở cõi Trời không có Pháp, không có Đạo, không có dạy Đạo, nên những vị nào tu phước lên được cõi Trời thì chỉ ở đó để hưởng phước mà thôi. Hưởng mãi đến một thời gian hết phước rồi rớt xuống trần gian và còn có người phải rơi vào địa ngục nữa.

Đây là lý do mà vấn đề này cần được nêu lên để cho toàn thể nhơn sanh yên tâm mà lo tu hành, yên tâm thọ khổ, thăng khổ để sống hạnh phúc lúc còn ở thế gian này, kể đến là yên tâm lập công, lập vị để vãng sanh hay siêu thăng giải thoát một khi phải rời khỏi cõi đời trần thế.

Theo Giáo Lý Đạo Cao Đài thì chư Thiên ở trên cõi Trời vẫn tiếp tục tu. Bằng cơ là Chư Thánh Bạch Vân Động vẫn luôn luôn lo lập Công, lập Đức để ngày càng lập vị cao thăng bằng cách hướng dẫn và dạy dỗ nhơn sanh, chỉ dẫn chư Chức sắc và tín đồ mở mang nền Đạo trong nước rồi ra ngoại quốc.

Kinh điển Phật Giáo đã có nói rõ việc có Bồ Tát, có Phật trên cõi Trời, có Đạo Pháp trên cõi Trời, có dạy Đạo trên cõi Trời và có những vị lãnh nhiệm vụ dạy Đạo trên cõi Trời.

1)-Trường hợp Đức Phật Thích Ca và Thân Mẫu:

Thân Mẫu Đức Phật Thích Ca là Hoàng Hậu Ma Da. Hoàng Hậu sau khi sanh Thái Tử Tất Đạt Đa ra chỉ trong bảy ngày thì tạ thế. Theo Kinh điển thì sau khi tạ thế một thời gian, Hoàng Hậu Ma Da đến được cõi Trời Đạo Lợi. Tại đây Bà tiếp tục tu, tiếp tục học Đạo để lập vị cao thăng và người Thầy dạy cho Bà không ai khác hơn là con ruột của Bà tức Thái Tử Tất Đạt Đa lúc bấy giờ đã thành Phật Thích Ca.

Tương truyền rằng **Đức Phật Thích Ca có một thời gian thường xuyên lên cõi Trời Đạo Lợi dạy Đạo cho Mẹ** để cho Mẹ Ngài cao thăng lập vị. Ban ngày thì Ngài ở cõi Trời với mẹ, còn ban đêm thì Ngài trở về trần gian để hướng dẫn Đạo Pháp cho Mục Kiền Liên và Mục Kiền Liên truyền lại cho Xá Lợi Phất.

2)- Kiều Phạm Ba Đề thuyết Đạo trên cõi Trời: (11)

Theo Kinh điển Phật giáo thì Kiều Phạm Ba Đề là một A La Hán cũng như các A La Hán Kiều Trần Như, Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên .v.v.

Kinh Pháp Hoa, Phẩm Tựa còn ghi lại là ngay từ đầu tiên khi Phật giảng Kinh Pháp Hoa thì đã có mặt Kiều Phạm Ba Đề với sự hiện diện của các đệ tử Đức Phật như Ma Ha Ca Chiên Diên, Phú Lâu Na, Tu Bồ Đề, A Nan . .cũng như chư vị Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi và Quán Thế Âm.v.v. . .

Kiều Phạm Ba Đề mặc dù đã đắc quả A La Hán nhưng qua một tiền kiếp lâu đời trước kia Ngài là trâu. Vì với tiền kiếp trâu nên Kiều Phạm Ba Đề có thói quen thường hay nhơi đi nhơi lại sau khi ăn. Tập khí này đã khiến cho Kiều Phạm Ba Đề không thể đi hoằng hóa Đạo Pháp ở cõi ta bà được vì khi Ngài giảng Đạo thì tất cả Phật tử thường chú ý đến việc Ngài nhơi và không để tâm nghe Pháp. Đây là lý do mà Đức Phật Thích Ca mới đưa Ngài lên cõi Trời để dạy Đạo vì trên cõi Trời thì các vị A La Hán có hào quang chói rực và chư

Thiên trên cõi Trời không thể thấy Ngài nơi, do đó mà việc hoằng Pháp có dễ dàng hơn.

Kiều Phạm Ba Đề ở trên cõi Trời thuyết Pháp mãi cho đến ngày Đức Phật Thích Ca tịch diệt mà vẫn chưa hay.

Một hôm có một vị A La Hán do Ngài Ca Diếp bảo đến để tìm Ngài trên cõi Trời vì trong lần Kết Tập Kinh Điển thứ nhất cần phải có đủ mặt ít nhất 500 vị A La Hán, nhưng trong cõi ta bà Ngài Ca Diếp chỉ qui tụ có 499 vị, thiếu một vị, nên cử vị A La Hán gọi Ngài về.

Khi được vị A La Hán đến gọi, Ngài Kiều Phạm Ba Đề mới hay là Phật đã nhập Niết Bàn và thay vì trở về cõi ta bà, Ngài tự tịch diệt bằng cách vận thần thông để tự đốt cháy mà không chịu trở về.

Vì Kiều Phạm Ba Đề tự diệt không trở về nên sau đó A Nan được mời vào để Kết Tập Kinh Điển sau khi được đặc quả A La Hán.

3)- Sự hiện diện của Bồ Tát Di Lạc.

Theo Kinh điển của Đạo Phật thì Đức Di Lạc hiện thời đang ở tại Cung Trời Đâu Suất.

Đức Ngài ở tại Cung Trời này rất lâu, từ khi Ngài là Bồ Tát và tất nhiên là Bồ Tát, Ngài phải thực hành Lục Độ gồm có: Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ trong đó phần độ tha Bồ thí là hạnh chánh mà bất cứ vị Bồ Tát nào cũng phải thực hành mà rõ nhất là Bồ thí Pháp.

Sự hiện diện của Chư Thiên, chư Bồ Tát, chư Phật trên các cõi Trời cũng được xác nhận bởi Đức Phật Thích Ca khi Ngài ban Kinh Di Lạc cho Đạo Cao Đài mà trong đó Ngài nói rất rõ là nơi các cõi Trời Hạo Nhiên Pháp Thiên, Phi Tướng Diệu Thiên, Tạo Hóa Huyền Thiên, Hư Vô Cao Thiên, Hội Ngươn Thiên và Thượng Thiên Hổn Ngươn. v. v. tất cả mọi nơi đều có Phật.

Theo Kinh Cao Đài (*Kinh Đại Tường do Đức Phật Thích Ca ban cho*) thì Đức Di Lạc là Giáo Chủ cai quản cung Trời Hổn Ngươn Thiên và theo Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp trong "Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống" (30-3 Kỷ Sứ /DL 27-4 năm 1949), thì Đức Ngài

hiện đang ở Cực Lạc Thế Giới để chờ ngày mở Hội Long Hoa mà hiện giờ Đạo Cao Đài đang thờ Ngài và cách tu của Đạo Cao Đài sẽ làm hiện rõ dấu ấn của Ngài, một cách tu không hoàn toàn giống như Phật Giáo Nhị Kỳ, cũng không giống Lão Giáo hay Khổng Giáo mà là một cách tu phối hợp tinh túy giáo lý Nho, Thích, Lão để làm sao cho nhơn sanh dễ tu, dễ đạt Đạo.



4)- Trường hợp Đức Phật Thích Ca.

Trường hợp Đức Phật Thích Ca cũng không khác Đức Di Lạc hiện giờ.

Theo kinh điển nhà Phật, Đức Phật Thích Ca trước khi hạ thế xuống cõi ta bà mở ra Đạo Phật thì Ngài ở tại Cung Trời Đâu Suất.

Kinh Hoa Nghiêm do Hòa Thượng Thích Trí Quảng lược giải ấn hành năm 2004 tại Việt nam, có ghi rằng: “Chư Phật đều giống nhau ở chỗ trí thức và Đạo đức vẹn toàn làm thầy Trời người được cung kính cúng dường ”. (trg. 53-54)

“Từ tổng thể Pháp thân hiện ra hoạt động của Báo thân trong Trời đất tùy duyên cứu độ chúng sanh bằng mọi cách, không ngừng nghỉ. Đó là hiện hữu của Như Lai, bất động mà biến hóa lợi ích không cùng.”

Tinh thần này được Phật giáo Đại Thừa triển khai thành “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

“Đức Phật (Thích ca) cũng trụ ở trạng thái bất biến tức an trú đại thiên định ở Cung Trời Đâu Suất. Từ trạng thái Phật ở thể tĩnh, Ngài khơi tâm Đại Bi, ứng vạn biến chọn thành Ca Tỳ La Vệ làm nơi đản sanh vào thời gian cách đây hơn 2.500 năm, đó là hiện thân của Thích ca Mâu Ni ở thể động”.

*** KẾT LUẬN HAI ĐIỂM I & II:**

Đến đây xin được lập lại rằng khi nêu ra trên cõi Trời vẫn có Pháp, vẫn có dạy Đạo, là để cho nhơn sanh nói chung, yên tâm mà thực hiện lời dạy trong Bài Kinh của Đạo Cao Đài.

Đó là:

“Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,

Gốc bởi lòng làm phải làm lành”.

Làm lành bằng cách lo tu Thập Thiện thì chắc chắn “Thiên Đàng liền đến” như Lục Tổ Huệ Năng cũng đã nói, tức người tu thập Thiện sẽ lên được cõi Trời và **ở cõi Trời thì có thể hưởng phước rồi tiếp tục tu để cao thăng lập vị thêm nữa.**

Để kết luận hai Điểm I và II, xin trình rõ:

1)-Thứ nhất về Ngũ Thừa và Ngũ Chi đó là muốn làm sáng tỏ chữ Ngũ Thừa trong Đạo Phật và chữ Ngũ Chi trong Đạo Cao Đài để đi đến kết luận là về việc tu và chứng từ thấp đến cao thì Đạo Cao Đài và Đạo Phật có một sự sắp xếp không hoàn toàn giống nhau.

Nói rõ hơn là với Đạo Cao Đài thì “Chư Thiên” là những vị đã dày công tu trì, chắc chắn là phải hơn người trần tục.

2)-Thứ hai khi nói về trên Trời vẫn có Đạo, có Pháp, hàm ý nghĩa việc tu nên cứ từ từ, dục tốc bất đạt, vì thật ra tu thì có dễ đâu, nếu dễ thì tất cả chúng ta đã thành Phật cả rồi. Như vậy thì thôi cứ tu để siêu thăng rồi giải thoát. Nói khác là tu từ cõi Người lên cõi Trời Chư Thiên. Rồi từ đây tiếp tục tu để đến cõi Trời Chư Phật.

Đối với những vị có căn cơ, tu giải thoát được ngay thì đó lại là quý hóa vô cùng, thật đáng là kính phục.

Nhưng dù sao, trước khi được siêu thăng hay giải thoát, điều quan trọng nhất thời và hiện tại ngay ở thế gian này là chúng ta phải làm thế nào có một cuộc sống hoàn toàn an vui và hạnh phúc mà người có đạo thường gọi là “thân tâm an lạc”.

Muốn thân tâm an lạc, điều cần phải làm trước tiên là buông bỏ.

Buông bỏ ngay cái xác thân vay mượn, vô thường duyên hợp, bất tịnh mà lại lắm đam mê hám dục này, để làm hiển lộ và thăng hoa cái thân Hiền, thân Thánh, thân Tiên, thân Phật cũng ở ngay trong đó như lời Đức Hộ Pháp đã nói trong đêm thuyết pháp tại Đền Thánh 1 tháng 6 Tân Mão 1951 như sau: “Đạo giáo chúng ta có chối rằng thi hài của chúng ta không phải là con vật đâu. Chính Đạo giáo nhà Phật có nói con người chúng ta là con Kỵ vật để cho vạn linh cõi nó đi đường, từ mặt địa cầu này qua mặt địa cầu khác, mà **con thú ấy là người của ta, mà người cõi là Phật, tức nhiên là cái Linh của chúng ta đó vậy.**” (Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp 1951, Quyển IV, trg. 40).

Nói rõ hơn là trong con người của ta, có hai thứ. Đó là cái Linh và con thú. Cái Linh là Phật tánh hay Phật Tâm còn con thú là xác thân nhục thể vay mượn, bất tịnh, duyên hợp, vô thường.

Rời bỏ cái vô thường, duyên hợp, bất tịnh, vay mượn là xác thân ô trược, là con Thú, để trở về vài Chân Thường, Chân Lạc, Chân Tịnh, đó là chúng ta trở về với Chân Ngã, với Phật tánh, và hạnh phúc sẽ trở về với chúng ta ngay, Niết Bàn sẽ hiển lộ ngay, dù rằng chúng ta vẫn còn ở ngay tại thế gian này.

Có một câu triết học tiếng Pháp diễn tả trạng thái trên như sau: “L’homme souffre parcequ’il a tant désiré. Que moment où l’on peut se débarasser de tous ses desirs, c’est à ce moment là qu’on atteint le Nirvana”.

Đến đây xin lý giải qua về Tam Thừa Phật Giáo để từ đó lược giải việc Đức Hộ Pháp bảo phải lập Công từ Tiểu Thừa.

III- TAM THỪA.

Tam Thừa Phật giáo gồm có Tiểu Thừa, Trung Thừa và Đại Thừa, trong đó hai Thừa có tổ chức chặt chẽ nhất và được biết nhiều nhất là Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Tổ chức các Thừa Phật giáo là theo Bộ Phái, có nguồn gốc kể từ sự phân chia trong nội bộ đạo Phật sau khi Đức Phật Thích Ca tịch diệt và sau lần Kết tập kinh điển thứ nhất.

Trong lần Kết tập kinh điển thứ nhất, chư vị A La Hán đã không hoàn toàn đồng ý với nhau về kết quả. Một nhóm do Ngài Ca Diếp chủ trì kết tập và một nhóm khác do Ngài Phú Lô Na cùng các đệ tử và một số Trưởng Lão đã không đồng ý với kết quả của nhóm do Ngài Ca Diếp chủ trì. Do không hoàn toàn chia xẻ kết quả kết tập của nhóm Ngài Ca Diếp nên nhóm Ngài Phú Lô Na kéo nhau đến một nơi khác kết tập lại.

Nói rõ hơn là trong lần Kết tập kinh điển thứ nhất đã có sự phân chia giữa các Đại Đệ tử của Phật, giữa các vị A La Hán với nhau, nhưng trong lần này thì vẫn chưa có việc phân chia Bộ Phái.

Sự phân chia Bộ Phái bắt nguồn từ sự bất đồng ý kiến không mấy gì quan trọng, nhưng lại là nguồn gốc của sự chia rẽ ngày càng trầm trọng hơn mà cho mãi đến ngày nay vẫn chưa hàn gắn được.

Đây là một sự kiện, cũng có thể nói là một biến cố mà từ kinh nghiệm này tín đồ Cao Đài nên rút kinh nghiệm để tu hành và chư vị hằng tâm với Đạo nên cứ an tâm mà hành Đạo.

Kinh nghiệm cho thấy rõ là trong Tôn giáo, bất cứ ai, dù ở cương vị nào, chức phẩm gì, nhưng nếu chưa hoàn toàn tâm chứng được Trí Vô Sư như nói theo Đạo Phật, hay Trí Vô Đối như nói theo Đạo Cao Đài được sáng soi bởi Thiên Nhãn chỉ **"Một không hai"** thì thôi xin cứ lo tu lập Công, lập Ngôn, lập Đức mà thôi.

Nói rõ hơn là nếu chưa hoàn toàn tâm chứng yếu lý vi diệu thậm thâm tối cao tối thượng tiềm ẩn trong Thiên Nhãn, chưa thực chứng và hoàn toàn đã sống với chân lý ẩn tàng trong Thiên Nhãn thì nên để qua một bên việc chẻ chia phân biệt, lập Tông lập Chi, vì có chẻ

chia phân biệt được thì cao lắm đó cũng chính là do Trí Thế gian vẫn còn hữu lậu, chắc chắn sẽ gây ra sự rẻ phân khó thể nào hàn gắn được mà kinh nghiệm Đạo Phật qua hơn 2,500 năm đã cho thấy rõ.

Thật vậy, Đạo Phật đã có sự phân chia.

Sau lần Kết tập kinh điển thứ nhất, các Tỳ kheo chỉ vì không đồng ý nhau về vấn đề Giới luật, mà rõ nhất là việc được giữ tiền hay không được mà đã có sự lớn tiếng cãi nhau giữa Trưởng Lão Da Xá (P: Yasa; S: Yásas) và nhóm Tỳ kheo Bạt Kỳ (12) để cuối cùng Trưởng Lão Da Xá bị nhóm Tỳ Kheo Bạt Kỳ đuổi đi. (13)

Đây là nguồn cơn đã tạo ra lần Kết tập kinh điển thứ hai với 700 vị A La Hán, hơn lần thứ nhất 200 vị, và được chủ tọa bởi hai vị Trưởng Lão tất cả đều trên 100 tuổi, đó là Ly Bà Đa và Nhất Thiết Khứ. (14)

Với lần Kết tập kinh điển thứ hai này, tập trung vào Giới luật, mà rõ nhất là được nhận giữ tiền hay không, ăn đúng Ngọ hay có thể qua Ngọ một chút, không ăn phi thời hay ăn phi thời, được uống sữa đường khi đã quá Ngọ hay không được uống v.v., các Tỳ kheo hai nhóm già như trẻ đã bất đồng ý với nhau rất trầm trọng, khiến nhóm trẻ đòi được nhận và giữ tiền v.v. thì đi về phương Bắc, và nhóm già chống lại thì đi về phương Nam tạo nên Đại Chúng Bộ và Thượng Tọa Bộ để rồi sau này Đại Chúng Bộ lại phân chia thành 8 Chi phái và Thượng Tọa Bộ thành 10 Chi phái và thời kỳ này được gọi là thời Kỳ Bộ Phái để rồi hai Bộ Phái này lần hồi biến thành Tiểu Thừa và Đại Thừa cho mãi đến ngày nay.

Đã hơn 2,500 năm dài đằng đẵng trôi qua nhưng việc thống nhất giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa Phật giáo vẫn không thể thực hiện được, mặc dù từ thời kỳ thuyết Pháp thứ năm cuối cùng, tức theo Ngũ Thời Giáo là thời Pháp Hoa và Niết Bàn, đức Phật Thích Ca đã qui ba thừa là Thanh Văn Thừa (Tiểu Thừa), Duyên Giác Thừa (Trung Thừa) và Bồ Tát Thừa (Đại Thừa) làm một; về Nhất Thừa, nhằm bỏ phương tiện là sự phân chia để đạt cứu cánh là thành Phật, thế mà mãi cho đến ngày nay Kinh vẫn là Kinh và Sự vẫn là Sự.

Sự kiện này đã nói lên và cho thấy rõ rằng, bất cứ ai nếu muốn tu, bất cứ tín đồ Tôn giáo nào nếu tu, thì cứ an tâm mà lo tu hành.

Vì sao?

Trên Trời, vầng trăng cứ mãi êm ả lững lờ trôi từ Đông sang Tây, vui cùng mây gió, trong khi đó thì dưới trần gian quần sanh lại chấp nhứt, chạy nhảy đua tranh, giựt dành chen lấn, đẩy ùa xô xát với nhau.

Cứ làm như vầng trăng kia, êm ả và lững lờ trôi, chiếu sáng từ Đông sang Tây, từ Nam sang Bắc, cứ vui cùng gió với mây, cứ giữ Tâm thanh tịnh mà lo tu hành. Còn việc nếu có sự chia phe lập phái đó là chuyển hiển hiện của thế gian. Thế gian mê lầm là như thế!

Ngày nào mà con người chưa tỉnh vẫn còn mê, vẫn chạy theo danh phận, áo mũ, chức quyền, nơi đứng chỗ ngồi thì ngày đó việc hòa hợp với nhau khó thể nào có được, nói gì thống nhất.

Thiên Nhân đã chỉ ra quá rõ. Kinh cơ cũng đã dạy rất rõ. Trời, Phật, Thánh Tiên cũng là ta, mà phàm phu ô trược hay Ngạ quỷ, Súc sanh cũng là ta.

Thân tâm này của ta có Thú mà cũng có Thần, có Thánh. Tại sao không chịu làm Thánh, làm Tiên, làm Trời, làm Phật mà cứ ham làm ma quỷ hay phàm phu ô trược, chạy theo áo mũ chức quyền, giành chùa, giành cửa, rớt cuộc rồi sẽ có được gì?

“Vạn sự viết vô nhục thể thổ sanh hoàn lại thổ”!

Tại sao lại cứ ham mê màu áo mũ đai, chết rồi nào có đem gì theo được. Sao không cứ êm ả như vầng trăng. Tại sao không chịu an tâm và để cho Tâm thanh tịnh. Phật ở tại Tâm, tức Tâm tức Phật. Phật ở trong Tâm như trầm hương ở trong cây. Ngoài Tâm không có Phật, ngoài trầm không có hương trầm. Trong Tâm có Phật tức Phật ở nơi Tâm chớ Phật nào có ở trong áo mũ màu mè, chức quyền cao thấp.

Phân biệt nhau, chẻ chia lập phe lập phái, tưởng rằng lập vị cao thẳng, có ngờ đâu đó chỉ là việc tầm mồi ma mà trở lại. Chúng ta người tu cứ yên trí mà tu, giữ Tâm thanh tịnh mà tu, lánh dữ làm lành, và hể “làm được 10 hạnh lành thì Thiên Đàng liền đến”. (15)

Đây chính là điểm để chúng ta cứ an tâm mà lo tu hành. Đó cũng chính là điểm mà tất cả chúng ta người tu đều mong mỏi.

Tóm lại, khi nhắc đến nguồn cơn cũng như nguyên do có sự phân chia trong Tôn giáo, điều đó không hề có ý lập lại những gì không nên nói đối với bất cứ một Tôn giáo nào, nhất là Tôn giáo mà người viết vô cùng kính trọng.

Sự việc được kể lại là cốt ý muốn nói với đồng Đạo Cao Đài rằng xin hãy cứ an tâm mà tu, tu để tự độ độ tha, “giác nhi giác tha”, như lời Đức Hộ Pháp dạy trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Tu để tự cứu mình và độ đời nâng Đạo. Còn việc trong Đạo Cao Đài có phần chia Chi phái và việc hòa hợp thống nhất thì toàn Đạo ai mà lại chẳng ước mơ, nhưng viễn ảnh phải chăng còn vẫn mập mờ mà nguyên nhân chỉ vì tâm trí mà ra. Vậy thì thôi chỉ còn cầu mong với ước mơ “Nhơn nguyện Thiên tòng” một ngày nào đó tất cả sẽ đồng tâm hiệp sức, phủ bụi trần, vì nhận chân rõ được rằng trên đời này Ngã Pháp vốn “Không”.

Đến đây, xin trở lại với tổ chức Tam Thừa để nói về Tiểu Thừa, Trung Thừa và Đại Thừa của Phật giáo nhằm giải thích để đã thông tại sao với Đạo Cao Đài, Đức Hộ Pháp lại nói Tiểu Thừa, Trung Thừa và Thượng Thừa.

Xin trước tiên bắt đầu với Tiểu Thừa mà Đức Hộ Pháp dạy phải lập Công tử Tiểu Thừa trong con đường Cửu Thiên Khai Hóa.

TIỂU THỪA PHẢI LẬP CÔNG TỬ TIỂU THỪA

I- DANH XÚNG.

Tiểu Thừa được quan niệm trong Phật giáo ra sao, và được hiểu như thế nào với Cao Đài giáo.

Đối với Phật giáo thì chữ Tiểu Thừa, theo Tự Điển Phật học, “nguyên là danh từ của một số Đại biểu phái Đại Thừa (Mahayana) thường dùng để chỉ những người theo Phật giáo Nguyên Thủy. Biểu thị này

được dùng để lảng mạ chỉ trích. Ngày nay, ý nghĩa chê bai của danh từ này đã mất đi mà nó chỉ còn tánh cách mô tả". (16)

Căn cứ vào ghi nhận trên đây từ Tự Điển Phật học, cộng thêm vào sự tiếp xúc tận nơi, tại chỗ thì quả thật Tiểu Thừa là danh từ có nguồn gốc và được sử dụng bởi Bắc Tông chứ không phải của Nam Tông.

Thật vậy, tại những tỉnh cuối cùng ở về phía Nam Việt Nam như Trà Vinh, Rạch Giá, Ba Xuyên, nơi mà người Việt gốc Miên sinh sống nhiều, và cũng là nơi mà Phật giáo Nam Tông vẫn còn giữ nguyên nguồn gốc, thì chữ Tiểu Thừa hầu như ít được dùng hay không có dùng.

Chư vị Phật tử Nam Tông nơi đây tự gọi mình là Phật giáo Nguyên Thủy hay Therevada, chứ không khi nào nói mình là Phật giáo Tiểu Thừa, nghĩa là danh xưng Tiểu Thừa không được các cư sĩ Phật giáo hay hàng Tăng lữ dùng đến.

Người địa phương hầu hết cũng không có sử dụng danh từ này, do thói quen phát nguồn từ sự tiếp xúc với chư vị Phật tử Nam Tông phần lớn là người Việt gốc Miên mà họ thương mến nhau như đồng bào ruột thịt.

Nói tóm lại, chữ Tiểu Thừa có nguồn gốc từ Bắc Tông và dân gian dùng lâu rồi trở thành thói quen để gọi Phật giáo Nam Tông, chứ Phật giáo Nam Tông; như ở cuối miền Nam Việt Nam thì chỉ tự xưng mình là Nguyên Thủy hay Therevada mà thôi.

II- KINH KỆ GIÁO LÝ.

Về phần Kinh Kệ và giáo lý thì Phật giáo Nam Tông vẫn giữ y những bộ Kinh do chính Đức Phật đã nói ra. Đó là Kinh A. Hàm mà người Việt gốc Miên luôn nói theo đó để mà tu. Họ tu với cách tu của hàng Tăng lữ không thật sự giống như những gì được diễn tả qua nhiều tài liệu do nghiên cứu sách vở (livresque= bookish), chứ không do thực địa, nghĩa là vào tận nơi, đến tận chốn, chung sống và sinh hoạt với Phật giáo Nam Tông, mà một nơi điển hình là vùng Trà Vinh hay Rạch giá chẳng hạn.

Tại tỉnh Trà Vinh thuộc miền Nam Việt Nam, Phật giáo Nam Tông có 138 ngôi chùa rải rác trên khắp Tỉnh, nhưng tập trung nhiều nhất là ở bốn quận Châu Thành, Trà Cá, Cầu Ngang và Cầu Kè.

Ở những ngôi chùa này hàng Tăng Lữ hay các ông Lục tu không giống như phần lớn nhiều người hiểu qua sách vở. Chư vị ấy không hề chỉ lo cho riêng mình, không hề rút vào núi rừng, hang động hay chùa cao, Phật lớn để mưu cầu sự giác ngộ cho cá nhân trước nhất, mà chư vị ấy lại thường xuyên di chuyển trong giáo phận, tham dự các tổ chức xã hội, hay các lễ lạc cổ truyền cùng như lễ lạc do Chánh quyền xã, quận, tỉnh tổ chức trong tinh thần tương kính cởi mở, đoàn kết và yêu thương.

Chư vị ấy cũng thường xuyên tiếp xúc các Phật tử nhất là tại chùa mà các Phật tử thường hay tập trung trong các ngày lễ hay để thọ Pháp.

Nói tóm lại, cách tu của Phật giáo Nam Tông như đã được biết rõ tại các tỉnh cuối miền Nam Việt Nam thì không hoàn toàn giống như nhiều sách vở đã viết. Giữa Phật tử và hàng Tăng Lữ không hề có cách biệt và chư vị Trưởng Lão tức là cả ông Lục, như người địa phương thường gọi, những vị này không hề rút lui ẩn thân nơi hang động hay núi thẳm rừng sâu hoặc chỉ ở trong Am Thất để chỉ tự lợi tự giác mà trái lại chư vị xuất hiện, tiếp xúc, sinh hoạt xã hội, giúp đỡ Phật tử, chung lo đạo sự, tức có một đường lối tu rất lợi lạc bình thường.

Với cách tu như đã sơ lược trình bày trên với Phật giáo Nam Tông, Đạo Cao Đài vốn cũng xuất phát từ miền Nam Việt Nam nên có phần hiểu rõ. Ngoài ra trong Đạo Cao Đài còn có nhiều tín đồ người Việt gốc Miên, ngay cả những người Miên chính thống từ nước Cao Miên trước đây đã đi bộ từ đất Miên đến Tây Ninh để xin nhập môn cầu Đạo Cao Đài. Hơn thế nữa, Đạo Cao Đài với Tông Đạo Kiên Biên đặt tại Nam Vang thủ đô Campuchia để mở mang nền Đạo; do đó đã có sự tiếp xúc, gần gũi và hiểu biết rất rõ Phật giáo Nam Tông, mà với Đạo Cao Đài thì về phần Giáo pháp và phép tu có nhiều điểm rất gần nhau.

Do đó mà trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp mới bảo tín đồ phải lập công từ Tiểu Thừa, thứ nhất là theo lời dạy

của Đức Chí Tôn và thứ hai là do sự gần gũi về giáo lý qua Kinh Kệ của Đạo Cao Đài và Tiểu Thừa Phật giáo.

Xin nói rõ là chữ Tiểu Thừa và Đức Hộ Pháp đã dùng trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống ở đây chỉ có tánh cách mô tả mà thôi, như theo tự điển Phật học.

III- GIÁO PHÁP VÀ PHÉP TU.

Giáo pháp và phép tu của Đạo Cao Đài với Phật giáo Nam Tông có nhiều điểm gần nhau. Đây có thể là lý do mà Đức Chí Tôn dạy và Đức Hộ Pháp bảo phải lập Công từ Tiểu Thừa rồi mới Trung Thừa đến Thượng Thừa.

A- GIÁO PHÁP.

Theo Phật giáo Nam Tông thì sau khi thành Đạo, Đức Phật Thích Ca đã ngồi tư duy ở Bồ Đề Đạo Tràng 21 ngày. Rồi sau đó, để chuyển Pháp luân, Ngài mới nói bài Pháp tại vườn Lộc Uyển cho năm anh em ông Kiều Trần Như nghe, đó là bài "Tứ Diệu Đế."

Trong bài Pháp này, điều quan trọng mà Đức Phật muốn nói cho mọi người biết, chỉ cho mọi người thấy, đó là "Khổ đế".

Khổ đế, với Đạo Cao Đài lại là câu Kinh đầu tiên trong bài "Khai Kinh" của Giáo pháp "Tứ Thời Nhật Tụng."

Giáo lý Đạo Cao Đài nói rõ ra rằng đời là một "Biển Trần Khổ với với trời nước" và Đức Hộ Pháp trong lần thuyết Đạo tại Đền Thánh vào 15 tháng 5 Tân Mão cũng có nói về Khổ đế và Tứ Diệu Đế như sau: "Tứ Diệu Đế: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Đức Phật Thích Ca nhờ Bí pháp của Đức Chí Tôn để trước mặt Ngài mà Ngài đạt được cơ quan giải thoát có chi đâu. **Muốn tránh Tứ Diệu Đế tức nhiên Tứ khổ thì đừng gây Nhân. Có Nhân tức nhiên có Quả. Muốn tránh Sanh, Lão, Bệnh, Tử thì phải diệt cho hết Nhân là dĩ nhiên đó vậy**".

"Bí Pháp Đức Chí Tôn đã cho Phật Thích Ca thế nào, Đức Chí Tôn cũng có thể cho con cái Ngài mỗi đứa để tự giải thoát lấy mình."

Với nhóm chữ “**cho con cái Ngài**” như vừa ghi trên, Đức Hộ Pháp muốn chỉ rõ ra rằng Giáo pháp Tứ Diệu Đế không những Đức Chí Tôn đã cho Đức Phật Thích Ca để dạy Phật tử trong Nhị Kỳ Phổ Độ, mà với **Đại Ân Xá Kỳ ba này, tức Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cũng lại cho tất cả con cái Ngài ở thế gian nữa**, đặc biệt là tín đồ Cao Đài trước tiên thấy biết để noi theo đó mà tu.

Đây là một Giáo pháp có nguồn gốc từ một Chân lý vĩnh hằng, bất di bất dịch, nhằm để dạy tất cả nhơn sanh nói chung biết rõ Chân đế **hễ gieo Nhân thì ắt có Quả, hễ tạo Nghiệp thì phải thọ Báo**. Chính đó là Giáo lý tiền đề của giáo pháp “Tứ Diệu Đế.”

Trong giáo pháp Tứ Diệu Đế có tất cả bốn Đế. Đó là Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Khổ Đế gồm có Sanh, Lão, Bệnh, Tử liên quan đến thân. Còn liên quan đến Tâm là cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ và ngũ ấm xí thanh khổ, có nghĩa là con người một khi đã sanh ra thì đã mang vào mình 8 cái Khổ.

Khổ thứ nhất liên quan với kiếp sanh với tuổi già, với bệnh tật và tử vong.

Còn loại khổ thứ hai thuộc về Tâm gồm có việc mong cầu mà chẳng được (cầu bất đắc khổ), không ưa thích nhau, oán hận ghét hờn nhau mà lại cứ gần nhau (oán tăng hội khổ), yêu thương nhau mà buộc phải rời nhau (ái biệt ly khổ) và cuối cùng là vì căn quả nghiệp báo mà con người không ai giống ai, có kẻ giàu người nghèo, kẻ sang người hèn, người thông minh lanh lợi, kẻ đui mù cậm điếc chột què, giàu sang thì có khi dâm ô độc ác, nghèo hèn thì lại nhiều khổ lắm đau (ngũ ấm xí thanh khổ).

Tất cả chẳng qua là do Quả của Nhân, mà theo Giáo pháp Tứ Diệu Đế thì Nhân Quả gồm có hai, đó là Nhân Quả thế gian và Nhân Quả xuất thế gian.

Nhân Quả thế gian gồm có Tập Đế và Khổ Đế và Nhân Quả xuất thế gian là Diệt Đế và Đạo Đế.

1)-Nhân Quả thế gian:

Nói về Nhân Quả thế gian theo Giáo lý Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật thì con người sở dĩ có Khổ (Khổ Đế = Quả) là chỉ do Tập Đế (Nhân) mà ra cả.

Tập đế là sự tụ nhóm hay tập hợp của những thói quen đã thành Nghiệp hay sẽ tạo Nghiệp. Chỉ vì Nghiệp mà người thế gian thường hay chạy theo ngũ dục lục trần. Họ muốn sống cho thoả thích, cho sung sướng, cho vừa lòng nên cứ đam mê mà chạy theo tài, sắc, danh, thực, thù (ngũ dục).

Còn đối với trần cảnh là những thứ từ bên ngoài, thay vì trụ tâm lặng tưởng, hồi tâm quán tưởng, hồi đầu thị ngạn hay Hồi Quang Phản Chiếu như lời Đức Hộ Pháp dạy thì họ lại phóng tâm chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, rồi để cho nhóm lục trần này rủ rê lôi cuốn mà nguyên do cũng chỉ vì mê lầm nên mới xảy ra cố sự.

Mê lầm hay Vô minh chính là căn nguyên của mọi việc nghĩ hay làm sai trái. Đây là trạng thái không tỉnh thức của tâm mà danh từ nhà Đạo gọi là Si, nguồn gốc của tất cả mọi phiền não, Khổ đau trần thế và cũng là nguồn cội của muôn nẻo luân hồi.

Si là một trong tam độc mà cũng là tên độc nhất đứng đầu. Nó tạo ra và dẫn dắt hai độc khác chạy theo, đó là Tham và Sân. Và tam độc là đầu nguồn của muôn ngàn cố sự, là động cơ xô đẩy chạy theo ngũ dục, lục trần nhiều đau lắm Khổ.

Như vậy để tránh được Khổ (Khổ Đế) điều quan trọng trước tiên là con người phải làm sao rời bỏ được trước hết là Tham ái và Sân hận. Còn muốn không chạy theo ngũ dục lục trần thì con người phải không còn Si mê tức phải tránh được Si. Chính Si đã làm cho con người tự nội tâm phạm phải tam độc và bên ngoài thì chạy theo trần cảnh, rủ rê rù quên tập hợp những thói quen tật xấu để làm những điều sai trái mà danh từ nhà Đạo gọi là Tập Đế.

Tập Đế là Nhân và Khổ Đế là Quả, đó là nói theo Nhân Quả thế gian.

Như vậy muốn không lãnh quả Khổ (Khổ Đế) người tu trước nhất phải tránh được Nhân là Tập Đế. Mà muốn xa rời được Tập Đế thì phải thấy rõ Tham, Sân, Si, mạn, nghi, ác kiến . . . v. v. . Đây là

những việc mà người tu phải làm, phải xa nếu muốn đi đến Nhân Quả xuất thế gian.

2)- Nhân Quả xuất thế gian.

Nhân Quả xuất thế gian trong Tứ Diệu Đế theo Đạo Cao Đài cũng như Đạo Phật gồm có Diệt Đế và Đạo Đế.

Diệt Đế có nghĩa là diệt hết tất cả mầm mống, tất cả mọi nguồn gốc của Khổ đau. Nguồn gốc đó gồm có sáu phiền não căn bản và (20) tùy phiền não tức những phiền não phụ do Đức Di Lạc dạy.

Sáu phiền não căn bản là Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác kiến. Ác kiến còn được kể rõ ra là Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ và Giới cấm thủ; cộng thêm với 20 tùy phiền não tức phiền não phụ do Đức Di Lạc nói và Ngài vô Trước đại diện kể ra, đó là sự giận hờn, buồn bực làm cho con người lao chao, hôn trầm mờ tối, trở nên buông lung, biếng nhác, trể nãi, bòn xén, đưa đến mất lòng tin rồi sanh ra tán loạn, mất Chánh niệm tạo ra tánh hay che dấu, tật đố, ganh ghét, dối trá có khi cả sự bợ đỡ, nịnh hót hay kiêu căng hoặc tự mình không thấy xấu hổ, không biết thẹn trước người khác mà hậu quả cuối cùng và tất nhiên là gây tai hại cho người, còn riêng mình thì mất hẳn sự hiểu biết chơn chánh hay Chánh kiến.

Đây là những tánh mà trong Duy Thức Học, Đức Di Lạc gọi là phần, hận, não, trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, xan, phóng dật, tán loạn, thất niệm, phú, tật, cuồng, siểm, kiêu, vô tâm, vô quý, hại, bất chánh tri.

Diệt được tất cả những phiền não này hay ít nhất là sáu phiền não căn bản, nguồn gốc của mọi tội lỗi và mọi khổ đau, như vậy là người tu "Tứ Diệu Đế" đã hoàn thành được Diệt Đế.

Nói khác hơn, Diệt Đế là diệt được Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến.v.v. , cũng có nghĩa là diệt được căn nguyên của Sanh tử, Luân hồi để trở về được với Chơn Như Pháp Tánh nói theo Đạo Phật, hay Chơn Linh Bản Thể nói theo Đạo Cao Đài. Nói rõ hơn, đó là trở về với Chơn Tâm Phật Tánh hay đạt được Niết Bàn như nói theo Phật giáo hay Cao Đài giáo. Còn với Lão giáo thì đó là đạt Đạo mà trong Giáo pháp "Tứ Diệu Đế" gọi là Đạo Đế.

ĐẠO có rất nhiều nghĩa:

Theo Hán Ngữ Đại Tự Điển thì chữ Đạo có tất cả 45 nghĩa và có đến 1291 từ kép.

Nghĩa gốc của chữ Đạo là **con đường**.

Nghĩa thứ hai là **phương pháp hay học thuyết** với hàm ý là nghệ thuật hay sức mạnh để thiết lập sự cảm thông giữa Trời và Người.

Còn với nghĩa thứ ba thì Đạo là **Chân Lý**, là nguyên ủy của Vũ trụ Vạn pháp, một nguyên lý hoàn toàn huyền diệu và siêu hình, là Tuyệt Đối Thể hay Bản Thể Thường Hằng mà trong Đạo Phật, khi nói Đức Phật Thích Ca thành Đạo, đó là nói Đức Phật Thích Ca đã đạt được Chân Lý đó vậy.

Với ba nghĩa trên đây (con đường, phương pháp và Chân Lý) thì chữ Đạo khi được dùng trong bối cảnh của Đạo Đế, với nhóm chữ "Tứ Diệu Đế" bao gồm ý nghĩa cả phương tiện lẫn mục đích. Nói phương tiện có nghĩa là chữ Đạo được dùng như là con đường hay phương pháp, còn nói mục đích thì chữ Đạo lại được dùng với nghĩa là Chân Lý.

Trong bối cảnh hai nghĩa đầu tức là con đường hay phương pháp, cũng có nghĩa là nghệ thuật hay sức mạnh để thiết lập sự cảm thông giữa Trời và Người thì **Tự Điển Phật Học đã nói rõ Đạo Đế là phương pháp để đạt sự diệt Khổ, là con đường diệt Khổ tám nhánh tức Bát Chánh Đạo (17)**.

Còn Thiền Tông Việt Nam thuộc dòng thiền Trúc Lâm thì trong bài giảng của lớp Thiền học Phật giáo, Hòa Thượng Thích Thanh Từ đã giải nghĩa **Đạo Đế là Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo** với ý nghĩa là con đường hay phương pháp để diệt Đế tức diệt Khổ hay diệt Tham, Sân, si, mạn, nghi, ác kiến thì phải nhờ vào 37 phẩm trợ Đạo.

Nói tóm lại, theo Phật giáo với giải thích của Thiền Tông Việt Nam cũng như của Tự điển Phật Học như trên thì Đạo Đế có nghĩa là Giáo pháp đó làm cho phàm phu trở về Phật vị, mà phàm phu hay thế nhân trở về được Phật vị đó là đã đạt được Chân Lý, tức đạt Đạo và đó là mục đích của Đạo Đế.

Theo Đạo Cao Đài, Đạo Đế với ý nghĩa là mục đích hàm ý bất cứ người tu hay thể nhân nào một khi đã tận diệt được căn bản và tùy phiền não thì sẽ đạt được Đạo, có nghĩa là đạt Chân Lý gọi là Đạo Đế tức đạt được Niết Bàn, mà muốn chắc chắn đạt được Niết Bàn thì người tu phải hành trì cho đúng phép tu.

B- PHÉP TU:

Phép tu của Tiểu Thừa nhằm để diệt được Khổ gồm có Bát Chánh Đạo và Thập Nhị Nhân Duyên.

Trong hai Pháp tu này thì Thập Nhị Nhân Duyên lại là phép tu chánh của Trung Thừa (Sẽ luận bàn ở Phần Trung Thừa kế tiếp).

Riêng phép tu để diệt Khổ và đạt Vô ngã đối với Tiểu Thừa, xin chỉ đề cập đến Bát Chánh Đạo, được áp dụng vào thời Nhị Kỳ và cả Tam Kỳ Phổ Độ.

Với Tam Kỳ Phổ Độ, ngoài Pháp Tu theo Bát Chánh Đạo, Đức Hộ Pháp còn có dạy một pháp tu khác nữa trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng sống. Đó là **Ngài dạy thọ Khổ và diệt Khổ bằng Đức Thương Yêu.**

Lời dạy của Ngài được căn cứ vào Thánh giáo của Đức Chí Tôn đó là "Sự thương Yêu là chìa khóa để mở Bạch Ngọc Kinh".

Xin trước tiên được nói về Pháp tu Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo là con đường tám nhánh gồm có:

1- Chánh Kiến: là sự thấy rõ, thấy đúng để có một quan niệm xác đáng về Tứ Diệu Đế và Giáo lý Vô ngã.

2- Chánh tư duy: là suy nghĩ và có một mục đích đúng đắn, suy xét về ý nghĩa của Tứ Đế một cách không sai lầm.

3- Chánh ngữ: Không nói dối, không nói phù phiếm.

4- Chánh Nghiệp: Tránh phạm Giới luật.

5- Chánh mệnh: Tránh các nghề Nghiệp hay cuộc sống bất thiện.

6- Chánh tinh tấn: Phát triển Nghiệp tốt, diệt trừ Nghiệp xấu.

7- Chánh niệm: Nhớ và phát niệm đúng theo tỉnh giác về Thân, Khẩu, Ý.

8- Chánh định: Tập trung tâm ý đạt bốn định xuất thế gian, đó là bốn xứ hay là Tứ niệm xứ. (18)

Việc định nghĩa Bát Chánh Đạo hay tám nhánh nói chung, hoặc từng nhánh nói riêng có khác nhau giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa Phật Giáo, cũng như với Đạo Cao Đài.

Trong tám nhánh này quan trọng nhất là nhánh khởi đầu, đó là Chánh kiến. Có được nhánh Chánh kiến trước tiên thì các nhánh sau mới không sai lệch, mới Chánh được.

Chánh Kiến theo Tiểu Thừa, đó là thấy rõ được lý Nhân Quả Nghiệp Báo, lý Vô ngã, 12 Nhân duyên mà đặc biệt là thấy rõ Giáo pháp cơ bản đó là Tứ Diệu Đế.

- Có thấy được Luật Nhân Quả thì người tu mới cố tránh tạo Nhân để không nhận Quả, tránh tạo Nghiệp để không thọ Báo.

- Có thấy được lý Vô ngã thì người tu mới cố gắng tu để phá chấp ngã, mà phá chấp ngã là con đường dẫn tới Niết Bàn.

- Có thấy được 12 Nhân duyên (Thập Nhị Nhân duyên), người tu mới biết được Vô thường, Vô minh và biết làm sao để tận diệt Vô Minh hầu đạt Đạo.

Cuối cùng có thấy được Tứ Diệu Đế thì người tu mới có thể tu thọ Khổ để thắng Khổ, để rồi với kết quả là giải được Khổ như lời Đức Hộ Pháp đã dạy trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Tóm lại, có thấy được như trên đó là có Chánh Kiến. Chữ Chánh Kiến được dùng ở đây là trong bối cảnh (context) của Phật Giáo Nam Tông hay Tiểu Thừa nói riêng chứ không phải của Phật giáo Bắc Tông hay của Đạo Cao Đài, có phần khác biệt.

* * *

Mặc dù có sự khác biệt, nhưng sự khác biệt đó không cản trở việc tu đạt Đạo, đạt Niết Bàn. Chính vì thế mà Đức Hộ Pháp mới bảo phải lập Công trình căn cứ vào Thiên Nhơn Tương Dĩ để Thiên Nhơn Hiệp Nhứt hay phải tu, phải lập Công từ Tiểu Thừa là vậy.

Nói rõ hơn, khâu Chánh Kiến là khâu quan trọng nhứt trong tám khâu của Bát Chánh Đạo. Đây là khâu mở đầu để đi vào con đường tu đạt Chánh Đạo. Như vậy, điều cần thiết là phải hiểu biết thật rõ khâu này.

Có một câu hỏi cần được đặt ra, đó là Chánh Kiến nói chung là gì và làm sao để có được Chánh Kiến?

Câu hỏi này sẽ được giải bày khi nói về Tôn Chỉ và Mục Đích của Đạo Cao Đài mà trong đó Tôn chỉ Tam Giáo Qui Nguyên và Mục đích là **"Đóng Địa Ngục, mở tầng Thiên"**, có nghĩa là cứu độ toàn thể sanh linh, thực hiện Nhơn Đạo Đại Đồng, Nho Tông Chuyển Thế sẽ căn cứ vào Đạo Nho hay Đạo Khổng và sẽ cho chữ Chánh Kiến một định nghĩa rộng rãi hơn là định nghĩa chỉ theo Tiểu Thừa, Trung Thừa và Đại Thừa.

IV- KẾT LUẬN VỀ LỜI DẠY CỦA ĐỨC HỘ PHÁP: "PHẢI LẬP CÔNG TỪ TIỂU THỪA".

Trong con đường tu thứ nhất, Đức Hộ Pháp có nói đến các điểm theo thứ tự để Nhơn sanh theo đó mà tu, nhưng trên thực tế đến ngày nay, lời dạy của Đức Ngài chưa có tài liệu hoặc luận giải nào làm cho tỏ rõ hết ý nghĩa.

Qua hơn 80 năm Đạo được thành lập cho đến hiện giờ tin đồn vẫn chưa hiểu hết và tu đúng theo Giáo lý Cao Đài do Đức Hộ Pháp thay mặt Đức Chí Tôn dạy, hầu giải Khổ và giải thoát, để khi còn sống ở thế gian sẽ thật sự được thanh nhàn tự tại, thân tâm an lạc, hạnh phúc hoàn toàn và đến lúc nào nếu phải rời khỏi thế gian này thì nếu chẳng được giải thoát cũng được siêu thăng, hoặc ít nhất nếu còn phải trở lại cõi trần hoàn này thì hậu kiếp nếu không hơn thì chắc chắn chẳng thế nào lại kém hiện kiếp.

Tu đúng theo Giáo lý của Đạo Cao Đài thì phải được như vậy và chắc chắn được như vậy.

Đây là một luận giải được chứng minh bởi Giáo lý Tam giáo, được hiển bày trong Kinh nhật tụng, Kinh Tận độ, đặc biệt nhất là lời dạy của Đức Hộ Pháp qua nhiều năm thuyết Đạo nhưng cho đến giờ này, việc lược giải Kinh thì nhiều nhưng việc chỉ con đường tu thì vẫn chưa tỏ rõ.

Đây là việc làm không phải chỉ riêng của các Đấng Tiên Khai mà còn là của những Bậc Nguyên nhân xuống trần để lập vị **"trong đó còn có các em nhỏ kia, Qua (tức Đức Hộ Pháp) không biết em nào song Qua biết là đã có"**, như lời Đức Hộ Pháp đã dạy.

Theo lời giảng của Đức Hộ Pháp, trong hiện đời cũng như trong cửa Đạo có những "Phật Tiên giáng Thế" và chính những vị này sẽ lãnh sứ mạng của Đức Cao Đài thực hiện trọn vẹn được **"Nhơn Đạo Đại Đồng - Nho Tông Chuyên Thế"** và **"Thế Đạo Đại Đồng - Thiên Đạo Giải Thoát"** trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong Đạo Cao Đài có không biết bao nhiêu Bậc Nguyên nhân xuống trần lập vị để cao thẳng, thế nhưng cũng đã có không ít vị khi đến đây thì lại vì ngũ dục, lục trần mà phải ngã nghiêng.

Với ngũ dục, phần lớn rất nhiều vị tránh được tài, sắc, thực, thù nhưng tai hại thay khi tiếp cận với danh thì không ít lại có phần vướng bận, dù đó là danh trong Đạo.

Các Đấng đã biết trước như vậy, vì thêm đã có Thánh Ngôn Thánh Giáo nhắc nhở:

"Cho hay kẻ sĩ biết tu hành,

Hành ấy thì **thân chẳng mến danh.**

Danh vốn là bùa mê muội thế,

Thế không Đạo Đức thế không thành".

Quả đúng là những câu Thánh Giáo vô cùng khúc chiết, vô cùng cần thiết không những cho tín đồ mà cho cả những vị có chức phận, có trách nhiệm, có nhiều người cũng cần phải nhớ nằm lòng để **tránh tu Tướng và nhớ tu Tâm, nhớ lo lập Công, lập Ngôn, lập Đức,**

vì tu mà thiếu Đạo Đức, vẫn còn mền danh thì không làm sao tu cho thành được.

Trước đây có ý kiến cho rằng phải chăng “Thiên Đạo giải thoát” của Đạo Cao Đài không thể thực hiện được, nghĩa là không thể tu để đạt Pháp được, vì Pháp Tu Chơn luyện “Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt” cho đến ngày giờ này chưa thấy có tài liệu nào chỉ ra cho rõ cả.

Câu hỏi đặt ra là vì ngay cả những tài liệu chánh yếu có liên quan đến Lão giáo thì vẫn còn nhiều điểm chưa sáng tỏ.

Nhưng có phải chăng chúng ta không chịu tìm hiểu Đạo Lão đến nơi đến chốn cũng như không chịu tìm hiểu coi Đức Hộ Pháp đã nói những gì và nói như thế nào trong Pháp Chánh Truyền và Phương Luyện Kỳ.?

Tại sao chúng ta không chịu nghe và không chịu nghiên cứu cho thật rõ, thật đúng những lời nói của Đức Hộ Pháp, một Ứng Thân Thị Hiện, Chánh Biến Tri tức là có sự hiểu biết chơn chánh và rộng khắp toàn vẹn. Hơn thế nữa, Ngài còn là một Ngự Mã Quân may duyên được Đức Chí Tôn chọn để thay Ngài lập nền Chánh giáo, và **“những gì được nói không phải của Phạm Công Tắc mà là của Hộ Pháp. Hộ Pháp thay lời Đức Chí Tôn nói với toàn thể con cái của Ngài nghe, quý hay chẳng là ở chỗ đó”**. (19)

Thật là quý hoá vô cùng.

Nhơn sanh nói chung cũng như tín đồ Cao Đài nói riêng đã có được Thể Pháp cũng như Bí Pháp để tu đạt Đạo, để cho thân tâm tự tại, gia đình hạnh phúc lúc còn ở thế gian này, và chắc chắn sẽ được an lạc thanh nhàn, tự do sau khi phải rời trần thế, ít nhất cũng được siêu thăng nếu chưa có cơ giải thoát.

Lại càng quý hoá hơn nữa vì đó là những lời của vị Ngự Mã Quân thay Đức Chí Tôn ban cho Nhơn sanh và tín đồ cả một kho tàng vô giá, cả một Bí pháp huyền vi nằm trong những lời thuyết Đạo của Ngài mà nếu hiểu thì sẽ thấy ngay **“Ta không còn phải là Ta”**, bằng nếu không hiểu thì có thể tưởng rằng Ngài nói để mà nói vậy thôi, nói mà hình như không hiểu rõ Đạo Phật hay Đạo Khổng. .v. v.

Sự thật không phải Ngài chẳng rõ Đạo Phật hay Đạo Khổng.

Một Hộ Pháp, một Ngự Mã Quân của Đức Chí Tôn, một Hóa Thân, một Ứng Thân thì không có lý do gì để mà không biết, không hiểu, chẳng khác nào như Đức Phật Thích Ca trước kia, vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ, không có việc gì mà Đức Phật không rõ, không giải thích được, nhưng có khi Đức Phật lại làm thinh không trả lời câu hỏi, rồi cũng có Phật tử tưởng rằng Ngài không biết nên không nói được, không trả lời được, nhưng thật ra khi làm thinh Đức Phật đã nói rõ rồi, đã trả lời xong rồi, chỉ tiếc rằng **với trí thế gian hữu lậu thì không làm sao hiểu thấu được Thánh Trí hay Vô Sư Trí mà một bậc Chánh Biến Tri mà thôi.**

Cũng vậy, trường hợp Đức Hộ Pháp cũng không khác.

Với nhiệm vụ Ngự Mã Quân, Ứng Thân Thị Hiện, Ngài thay Đức Chí Tôn để lập nền Chánh giáo thì những gì Ngài nói, đó là Ngài nói với Hóa Thân, với Căn Bản Trí, với Trí Lương Tri, Trí Bát Nhã, Trí Vô Đối, Trí Vô Sư thì làm sao con người thế gian, nhất là những vị còn tràn đầy Ngã pháp, rồi với Trí hữu lậu hay Trí hữu Sư thì khó thể nào nắm bắt hết được.

Đó là chưa nói đến những ai tâm còn phân biệt, còn chấp trước, còn Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Thân kiến, Biên kiến, Tà kiến, Kiến thủ và Giới cấm thủ, thì chỉ riêng với bản tánh thiếu khiêm hạ là không thể nào hiểu thấu được Ngài rồi, còn nói chi đến việc Tâm chứng và thực chứng những gì do Ngài thay lời Đức Chí Tôn để truyền đạt.

Trong con đường Cửu Thiên Khai Hoá, sau khi nói các chơn hồn mượn xác phàm tức tùng Tướng nhập Tánh, nương Sống hiển Linh, Ngài lại bảo phải lập Công từ Tiểu Thừa.

Ngài bảo toàn thể tín đồ cũng như Chức sắc phải dùng tài sức mình lập Công để đạt Đạo và phải lập Công từ Tiểu Thừa, Trung Thừa đến Thượng Thừa. Với lời dạy như trên, có phải chẳng Ngài bảo tín đồ và chức sắc phải tu theo Đạo Phật?

Tu theo Tiểu Thừa, Trung Thừa, Thượng Thừa đó là cách tu theo Bồ Phái của Đạo Phật. Vậy thì lập Công để đạt Đạo theo cách này tức là tu theo Đạo Phật rồi, có phải vậy không?

Sự thật không phải như vậy.

Đức Hộ Pháp có nói như vậy nhưng ý Ngài muốn nói và dạy ta không phải như vậy.

Nếu chúng ta cứ hiểu trên bề mặt của chữ, của lời nói thì chẳng khác nào là **"Y kinh giải nghĩa, tam thể Phật oan"** tức chưa thấm thấu được cách tu và đường lối tu của Đạo Cao Đài mà Đức Hộ Pháp muốn truyền đạt.

Đây là đường lối tu và cách tu hoàn toàn của Đạo Cao Đài mà Đức Hộ Pháp bảo tín đồ phải tu từ Tiểu Thừa qua lập Công, lập Ngôn, lập Đức, và đó là tu theo Tam Kỳ Phổ Độ chớ chẳng phải chỉ do Giáo Lý của Nhị Kỳ.

Xin được lược giải nhóm chữ "tu từ Tiểu Thừa qua lập Công, lập Ngôn, lập Đức".

TU TỪ TIỂU THỪA QUA LẬP CÔNG - LẬP NGÔN - LẬP ĐỨC CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

Tiểu tựa này có hai ý chánh cần được giải rõ:

Thứ nhất là tu từ Tiểu Thừa.

Thứ hai là tu từ Tiểu Thừa qua Tam lập của Đạo Cao Đài.

1- Tu từ Tiểu Thừa.

Ngoài Giáo pháp cơ bản là Tứ Diệu Đế và phép tu căn cứ vào Bát Chánh Đạo, **tu theo Tiểu Thừa còn có nghĩa là Tự tín trước rồi Tha tín sau.**

Có Tự tín rồi Tha tín, tự lợi rồi lợi tha tức là tự độ mình rồi đi đến độ chúng sanh, cũng có nghĩa là **"giác nhi giác tha"** như lời Đức Hộ Pháp đã nói trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống mà Đạo Phật cũng không nói khác.

Nói rõ hơn, tu theo Tiểu Thừa là tu để độ mình rồi độ người sau, tu làm sao để cho mình giác ngộ trước rồi sau đó mới giác ngộ người khác **nên Đức Hộ Pháp mới nói "giác nhi giác tha"**, cũng có

nghĩa là vẫn có hoằng hoá độ sinh, hoằng khai Đạo pháp nhưng cách hoằng hoá độ sinh hay hoằng khai Đạo pháp của Tiểu Thừa không rộng bằng Đại Thừa tu theo Bồ Tát Đạo, mà **tu theo Bồ Tát Đạo đó chính là cách tu Phổ Độ của Đạo Cao Đài và rõ nét nhất là Tòa Thánh Tây Ninh.**

2- Tu Lập Công theo Đạo Cao Đài.

Lập Công nằm trong Giáo pháp Tam Lập của Đạo Cao Đài gồm có lập Công, lập Ngôn và lập Đức.

Muốn nắm bắt được Giáo pháp này và hiểu rõ cách tu phải có ít nhất là một quyển sách được viết ra như lời Đức Hộ Pháp đã thường nói và dặn dò. Việc này cho mãi đến ngày nay vẫn chưa thực hiện được dù biết rằng đây là Giáo lý và Giáo pháp căn bản của Đạo Cao Đài. Trước đây, trong ngày Lễ Khai Đạo tổ chức tại Nam California - Hoa Kỳ, HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Ban Thế Đạo Hải Ngoại có Bài Tham Luận về "Tam Lập trong Đạo Cao Đài". (Sau đó có được đăng trong Tập San Thế Đạo số 22).

Bài Tham luận này mặc dù ngắn nhưng tương đối đã làm rõ một số điểm cốt lõi về phương tu Tam Lập trong Đạo Cao Đài, nhưng rất tiếc có lẽ do giới hạn về thời lượng, nên đã không triển khai hết được Giáo lý và Giáo pháp của Đạo Cao Đài mà tâm ý của diễn giả muốn chuyển đạt đến cho đồng Đạo.

Còn riêng với bài viết này nói về Giáo pháp Tam Lập, cũng vì lý do thời lượng và khuôn khổ của đề tài nên chỉ xin lược giải chữ lập Công trong bối cảnh của câu "Phải lập Công từ Tiểu Thừa" như lời Đức Hộ Pháp đã dạy.

Khi Đức Hộ Pháp nói "Phải lập Công từ Tiểu Thừa" không phải Ngài bảo tín đồ Cao Đài phải tu hoàn toàn theo cách tu của Tiểu Thừa Phật Giáo.

Điều trước tiên và quan trọng nhất là Đức Hộ Pháp muốn nhắc đến "**Đạo hạnh lập Công**" để tòng Khổ, thọ Khổ, thắng Khổ và giải Khổ trước cảnh "Biển trần Khổ với với trời nước" mà như Bài Khai Kinh trong Tứ Thời nhật tụng đã nói.

Khi nói “Phải lập Công” Đức Hộ Pháp muốn nhắc nhở đến việc lập Công trong Tam Lập. Như vậy, điều cần phải hiểu là chữ lập Công ở đây quan trọng vô cùng. Nó nằm trong bối cảnh của Giáo pháp Tam Lập chứ không phải trong bối cảnh lập Công theo Tiểu Thừa với ý nghĩa là tu hoàn toàn theo cách tu của Tiểu Thừa Phật giáo.

Lập Công là gì?

Lập Công gồm có Công phu, Công quả, Công trình.

Ba chữ này toàn Đạo hầu hết đều biết qua nghĩa dù rằng có thể chưa biết được hay chưa biết rõ Giáo pháp để tu theo ba chữ này.

Trong ba chữ này thì chữ quan trọng nhất là “Công trình”

Công trình là gì?

Công trình ở đây trước nhất là Công trình “Tùng Khổ, Thọ Khổ, Giải Khổ” (20). Trong bối cảnh này thì Công trình còn có nghĩa là Công phu.

Công trình lại cũng còn có nghĩa là chung Công góp sức, hăng tâm lo xây dựng Đạo, bằng tất cả mọi khả năng, với tất cả mọi phương tiện và dưới mọi hình thức. Có thể xây dựng Đạo qua phổ truyền Giáo lý, bằng mọi cách, với Công hay của, hay trí tuệ, hoặc tham gia vào Công trình xây dựng, xây cất. . . và trong bối cảnh này thì Công trình có nghĩa là Công quả.

Cuối cùng và quan trọng nhất, cũng như bao quát nhất, bao gồm cả mục đích của Công phu và Công quả, đó là Công trình từ Sống đến Linh (21), là Công trình Tùng Tướng nhập Tánh, nương Sự hiển Lý để cho Lý Sự Viên Dung. Đó là Công trình biến tư tâm thành Lương Tâm hay Thánh Tâm, biến nhân tâm thành Đạo tâm, biến vọng tâm thành Chân tâm, một Công trình Thiên Nhơn Hiệp Nhứt, tức là Nhơn hiệp với Thiên như ảnh Tam Thánh ký Hoà Ước có mục đích truyền đạt đến cho tín đồ. Đó chính là Công trình dụng Công cho phàm phu thành Phật, biến thú thành Trời như lời Đức Hộ Pháp đã thuyết Đạo và đã dạy.

Nói tóm lại, việc Người hiệp với Trời, phàm phu thành Phật, mà nói tổng quát là “Thiên Nhơn Hiệp Nhứt” đó không phải là một dữ kiện, một sự kiện, mà đó là một Công trình phải thực hiện, tức phải qua dụng Công tu tập, một Công trình quan trọng hàng đầu, quan trọng nhất, cần thiết nhất, cao cả nhất mà Đức Hộ Pháp bảo phải thực hiện cho bằng được Công trình này.

Ngài bảo phải “lập Công”. Chữ lập Công mà Đức Hộ Pháp nói trong bối cảnh này, trong bối cảnh lập Công, lập Ngôn, lập Đức, cũng có nghĩa là thực hành Bát Chánh Đạo hay thực hành Giới, Định, Huệ; vì tu theo Bát Chánh Đạo Tiểu Thừa nói riêng hay theo Giới, Định, Huệ Đạo Phật nói chung, thì đó cũng là cách tu theo Lập Công, lập Ngôn, lập Đức của Đạo Cao Đài. Cả ba nào có khác về yếu chỉ sẽ được trình bày sau.

Nói tóm lại, với câu nói phải lập Công từ Tiểu Thừa, đó là Đức Hộ Pháp muốn dạy cách tu theo Đạo Cao Đài chứ không phải là Ngài bảo phải tu theo Đạo Phật.

Đến đây một câu hỏi khác lại được đặt ra, đó là nói không phải tu theo Đạo Phật mà tại sao Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lại thực hành Giáo pháp Tứ Diệu Đế của thuở Nhị Kỳ.

Để trả lời câu hỏi này xin được một lần nữa ghi lại đây câu nói của Đức Hộ Pháp trong đêm thuyết Đạo 15 tháng 5 Tân Mão 1951 mà Đức Ngài đã giải rõ như sau: **“Tứ Diệu Đế, Đức Phật Thích Ca nhờ Bí pháp của Đức Chí Tôn để trước mặt, Ngài đạt được Cơ Quan Giải thoát có chi đâu. Bí Pháp Đức Chí Tôn đã cho Đức Phật Thích Ca thế nào, Đức Chí Tôn cũng có thể cho con cái của Ngài mỗi đứa để tu giải thoát lấy mình”.**

Nói rõ hơn là trong Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn đã cho Đức Phật Thích Ca Bí pháp Tứ Diệu Đế như thế nào thì giờ đây với Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn cũng cho như vậy để con cái Ngài mỗi đứa lo tu tự giải thoát. Điều này đã được ghi rõ qua hai câu trong bài Khai Kinh Tứ Thời nhật tụng:

“Biển trần Khổ với với Trời nước,

Ánh Thái Dương gội trước phương Đông”

Để chỉ rõ cho tín đồ Cao Đài nói riêng, nhơn sanh nói chung thấy và biết rằng đời là Khổ "Khổ Đế". Vậy phải từng Khổ, thọ Khổ rồi giải Khổ thì mới đạt Đạo được. (Đạo Đế).

Tóm lại, Đức Hộ Pháp dạy phải lập Công từ Tiểu Thừa, đó là Ngài bảo nhơn sanh phải dùng sức mình để lập Công đạt Đạo, tức phải Công phu, Công quả để thực hiện Công trình Thiên Nhơn Hiệp Nhứt.

Đó là Công trình lớn cho Sống thành Linh, đưa phàm phu thành Phật bằng Giáo pháp đã được Đức Hộ Pháp dạy trong Pháp Chánh Truyền, đó là từng Khổ, thọ Khổ và giải Khổ. Giải Khổ bằng cách giải trừ các căn bản phiền não và tùy phiền não như Đức Di Lạc đã dạy, có nghĩa là đã hoàn thành Diệt Đế để đạt Đạo Đế, là Bạch Ngọc Kinh như nói theo Đạo Cao Đài hay Niết Bàn như nói theo Đạo Phật mà cũng là theo Đạo Cao Đài.

Kết luận lại là tu để giải Khổ và giải thoát thì giữa Đạo Cao Đài và Đạo Phật không có gì khác nhau về tinh túy Giáo lý. Tu theo Bát Chánh Đạo thì đó cũng là tu theo Giới, Định, Huệ, tức là tu Lập Công, lập Ngôn, lập Đức vậy.

Xin được trình bày rõ hơn khi kết luận toàn bộ điểm I mà Đức Hộ Pháp bảo phải lập Công./.

Cước Chú:

(1) Tuyệt Quán Luận - Bồ Đề Đạt Ma -Tiến sĩ Vũ Thế Ngọc dịch và chú giải - Nhà XBTH Saigon 2006 - trg. 16.

(2) Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống - Tập San Thế Đạo số 36 - Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản tại Hoa Kỳ - tháng 05 năm 2008 - trg 6.

(3) Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Tân Mão 1951 - Quyển IV - Ban Đạo Sử Toà Thánh Tây Ninh ấn hành Saigon, VN 1975 - trg. 36

(4) Tự Điển Phật học - Ban biên Tập Đạo Uyển - NXB Tôn giáo VN - 2006, trg. 638.

(5) Ib - trg. 401.

(6) Ib - trg. 538.

(7) Ib - trg. 401.

(8) Tứ Thư - Tập I - Ngữ Văn Hán Nôm - Viện Nghiên Cứu Hán Nôm - Nhà XB. KHXH VN 2004, trg. 66-67 có ghi như sau: Tiết thứ 5: Thi Vân: “Ân chi vị táng sư, khắc phối Thượng Đế, nghi giám vu ơn, tuần mệnh bất dị, Đạo đắc chúng tắc đắc quốc, thất chúng thất thất quốc”. Nghĩa là Kinh Thi nói: “Khi nhà Ân chưa mất dân chúng thì Đạo đức phù hợp với Thượng Đế. Xin soi vào tấm gương diệt vong của nhà Ân để biết rằng giữ được mệnh Trời là không dễ. Đạo trị nước, được dân chúng thì được nước, mất dân chúng thì mất nước (Thi Đại Nhã - Văn Vương - Chương 6 câu 5-8).

(9) Vạn Vật Đồng Nhất Thể - Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ - NXB Nhân Tử Văn, USA, 2002 - trg. 10.

(10) Ib- trg. 134.

(11) Pháp thoại II-Thượng tọa Thích Trí Siêu thuyết giảng tại Hoa Kỳ-MP3- Bài thứ nhất: Kết tập Kinh điển.

(12) Tự Điển Phật học - Ban Phiên dịch Đạo Uyển - NXB tôn giáo VN 2006 - trg. 146.

(13) Pháp thoại II - Thượng Tọa Thích Trí Siêu thuyết giảng tại Hoa Kỳ - MP3 - Bài thứ nhất: Kết Tập Kinh điển.

(14) Ib

(15) Pháp Bảo Đàn Kinh - Lục Tổ Huệ Năng.

(16) Tự Điển Phật học - Ban Phiên Dịch Đạo Uyển - NXB Tôn giáo VN 2006 - trg. 654.

(17) Ib trg. 711.

(18) Ib trg. 57.

(19) Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống - Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp - Tập San Thế Đạo số 36 in tại Hoa Kỳ tháng 05-3008, trg. 6.

(20) Pháp Chánh Truyền - Diễn văn của Đức Hộ Pháp - Nguyên bản của Hội Thánh - Tái bản năm Giáp Thân 2004 tại Hải Ngoại, trang 308, 309 . . .

(21) Bí Pháp - Lời thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp - Tòa Thánh Tây Ninh – NXB. Mekong Printing- 1998, trg. 6 - 10.

(HDV: HT. Lê văn Thêm)



**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH**

**BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
Chương Trình Phổ Thông Giáo Lý – 2008**

BÀI ĐỌC THÊM

*** Kèm theo Bài Hướng Dẫn số 4 - Chuyên Đề 6:
"Tìm hiểu con đường Tu của tín đồ Cao Đài"**

**" TAM LẬP "
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI**

*** Bài Tham Luận của Hiền Tài Nguyễn Ngọc Dũ đọc nhân Lễ Kỷ
niệm Khai Đạo
năm thứ 79 ngày 8-11-2003 tại Châu Đạo California - Hoa Kỳ.
(Đăng trong TSTĐ số 22 tháng 6/ 2004)**

*** * ***

PHẦN MỞ ĐẦU

Vào khoảng sau ngày Rằm tháng giêng năm Tân Mão (1951), Đức Hộ Pháp vào nhập Tịnh ba tháng nơi Trí Huệ Cung không tiếp xúc với bên ngoài. Việc nhập Tịnh của Ngài "về mặt Đạo giống như 40 ngày của Đức Chúa Jêsus ra ngoài sa mạc cầu khẩn với Đức Chí Tôn ban bố hồng ân cho toàn nhơn loại; giống như Đức Thích Ca vào

vườn Bồ Đề ngồi thiền định đặng xin giải thoát cho Chúng sanh. . .
.". (1)

Trong thời gian Đức Ngài sửa soạn nhập Tịnh nơi Trí Huệ Cung thì có một số vị làm đơn xin Đức Ngài được cùng nhập Tịnh với ngụ ý nhờ Đức Ngài hướng dẫn về Bí Pháp Tịnh luyện. Đức Ngài không biết dựa trên tiêu chuẩn nào để tuyển nên có cầu hỏi cùng các Đấng Thiêng Liêng.

Sau đó Đức Ngài kể lại sự việc này như sau:

"Ngày Bần Đạo đến tại Trí Huệ Cung, có đặng nhiều bức thư của mấy bạn chúng ta cầu xin nhập vào Trí Huệ Cung một lượt với Bần Đạo nhiều lắm.

Ngày giờ ấy chính mình Bần Đạo cũng chưa biết thế nào tuyển chọn những chơn linh đem vào cửa Thiêng Liêng ấy đặng. Đang lo không biết giải quyết thế nào về phương pháp nhập Trí Huệ Cung nên chưa quyết định nhứt là về mặt tuyển chọn không biết trả lời làm sao. May duyên thay Đức Chí Tôn thấy không thể giải quyết đặng, mới cho hội diện cùng các Đấng cầm quyền Thiêng Liêng của Đạo. Khi đặng hiểu rõ rồi, Bần Đạo lấy làm hân hạnh thấy rằng: "Cái nền Chơn Giáo của Đức Chí Tôn vẫn là đường đường ngay chánh, nhứt định về Thế Pháp Chơn truyền, không hề mê hoặc ai cả thảy".

Bần Đạo cũng quả quyết rằng: "Những phương pháp mê hoặc của thiên hạ về Đạo lý sẽ bị Chơn truyền của Đức Chí Tôn từ từ tiêu diệt hết".

Muốn định Thiên vị của mình, quyền Thiêng Liêng đã buộc; buộc hẳn mà chớ, phải có Tam Lập của mình mới được, gọi là Nhơn luân. Điều ấy Bần Đạo có truyền cho Chức Sắc Hiệp Thiên Đài hay trước rồi và dường như Đức Trần Khai Pháp đã có thuyết minh điều ấy rồi. Bần Đạo không cần luận thêm nữa". (2) (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh ngày 19-4 Tân Mão 1951).

Như vậy, thuyết Tam Lập được đề cập đến và phổ truyền từ đây.

Nhưng Tam Lập là gì? Tam Lập đối với Tam Giáo và Tam Lập đối với người tín đồ như thế nào ? Đây là hai vấn đề được sơ giải trong Bài Tham Luận này.

I- TAM LẬP LÀ GÌ?

Vấn đề Tam Lập được đề cập trong Giáo Lý Đạo Cao Đài gồm có ba phần: Lập Đức, Lập Công (hay gọi là Tam Công) và Lập Ngôn.

A- LẬP ĐỨC.

1- Định nghĩa chữ Đức:

Chữ Đức có rất nhiều nghĩa. Theo học giả Nguyễn Hiến Lê trong quyển Đạo Đức Kinh thì chữ Đức có nghĩa là nguyên lý của mỗi vật. Đức cũng có nghĩa là tính năng động của Đạo hay tác dụng của Đạo hay năng lực ngấm ngấm. Đức cũng còn có nghĩa là "ái lực hay là bản năng sinh tồn của mỗi sinh vật. . ."

Cách quảng diễn trên đây dù là tổng hợp định nghĩa của các học giả, các Thiền gia hay Đạo gia chớ không phải của riêng tác giả đã làm cho định nghĩa chữ Đức có phần khó hiểu vì quá rắc rối mù mờ, lý do là vì không được giải rõ.

Nếu giải rõ để làm sáng tỏ thì chữ Đức cũng không ra ngoài ba nghĩa chính yếu sau:

- Đức có nghĩa là "Được" và được ở đây là do quán tưởng huân tập, tu dưỡng bằng cách rèn tâm luyện tánh. Thí dụ như nói nhân Đức hay Đạo Đức là do việc quán tưởng, huân tập hay tu tâm luyện tánh mà con người có được lòng nhân hay thấy được Đạo, quay về với Đạo, lo tu để có thể thành Đạo và gọi là "Được Đạo".

Đây là cách định nghĩa rất dễ nhận thấy nhất trong Giáo Lý Đạo Khổng.

- Chữ Đức cũng có nghĩa là "Cái động" hay là "Cái dụng" của Đạo. Nói như thế này thật ra cũng có phần khó hiểu.

Để được sáng tỏ hơn, xin ghi lại đây lời dạy của Đức Lão Tử trong quyển Đạo Đức Kinh: "Cố thất Đạo nhi hậu Đức" (3) (Có nghĩa là khi

mất Đạo rồi người ta mới nói đến Đức). Mà nói đến Đức để làm gì? Đó là để tu Tâm luyện Tánh để trở về với Đạo. Như vậy, nhờ ở Đức, cái dụng của Đạo mà con người có thể từ đó trở về với Đạo, và “Được” ở đây là nhờ cái dụng của Đạo để trở về, để cận kề với Đạo.

Tóm lại, định nghĩa thứ hai có được là do từ quyển Đạo Đức Kinh. Như vậy có thể nói định nghĩa này chiếm ưu thế trong Giáo lý Đạo Lão.

Chữ Đức có nghĩa là “Năng lực ngấm ngấm tiềm tàng trong mỗi một con người”. Đây là chữ Đức được các học giả ngoại quốc dịch sang tiếng Anh là “Power” mà trong nhà Phật nhất là trong phái “Thiền Tông” thường nhắc tới. Chữ Đức với nghĩa thứ ba này thuộc về nội tâm, nổi bật và vượt trội với các Thiền Sư và thường được xưng tụng với danh từ Công Đức. Cũng cần nói rõ thêm là chữ Đức với nghĩa thứ ba này cũng đều có trong Giáo lý Tam Giáo cũng như trong Giáo lý của Đạo Cao Đài.

2- Giáo lý Tam Giáo về Lập Đức như thế nào? Có đối chọi nhau không?

a-Xin trước tiên được bàn đến Khổng Giáo, kế tiếp là Lão Giáo và sau cùng là Phật Giáo.

- Lập Đức theo Khổng Giáo:

Với Đạo Khổng chữ Đức hay Lập Đức được nói qua nhiều sách vở trong Tứ Thư Ngũ Kinh, nổi bật nhất là qua quyển Đại Học.

Trong sách Đại Học, Đạo Khổng dạy người đời về cách lập Đức như sau:

“Đại Học chi Đạo,

Tại Minh Minh Đức

Tại Tân Dân

Tại chí ư chí thiện”.

Có nghĩa là cái Đạo làm người với cái học to tát nhất, tiêu biểu nhất, quan trọng nhất là phải làm sao cho sáng cái "Đức sáng của mình".

Đây là một trong những phần Giáo lý cao siêu nhất của Đạo Khổng nhằm mục đích "Phối Thiên" qua nhiều Đạo hạnh tu chứng mà trong đó quan trọng hơn hết là "Khử nhân dục, tồn Thiên lý", nghĩa là phải sạch đi cái vọng phàm phu, để làm hiển lộ ra cái chơn của Hiền Thánh.

Mặc dù đây là tinh túy của Giáo lý Đạo Khổng nhưng có một điều nó không được minh giải nên phải mập mờ, không sáng tỏ và khó hiểu, mà nhiều người cũng như nhiều Đạo gia khác đặt vấn đề. Có phải chăng đây là sự thật? Nếu không thì tại sao trên 2000 năm qua tinh túy Giáo lý lập Đức của Khổng Giáo đã bị lãng quên và người ta chỉ hiểu chữ Đức với nghĩa là "Được", thí dụ như Nhân Đức, nghĩa là nhờ tu dưỡng, huân tập mà có lòng Nhân, chớ ý nghĩa cao siêu của chữ Đức để lập Đức hầu Phối Thiên để "Thiên Nhơn hiệp nhất" làm cho người với Trời trở thành "Một", hầu như bị lãng quên.

Phải đợi đến đầu thế kỷ 20, với sự xuất hiện của Đạo Cao Đài, Thánh Tượng của Đức Khổng Tử mới được đặt ngang hàng với Đức Phật và Đức Lão Tử và tinh túy Giáo lý lập Đức của Đạo Khổng cũng được làm sáng tỏ ngang hàng trong Tam Giáo qua Giáo lý của Đạo Cao Đài.

- Lập Đức theo Lão Giáo.

Nói về chữ Đức cũng như Đạo hạnh lập Đức trong Đạo Lão, có nhiều luận giải cho rằng quan điểm của Lão Tử chống đối Khổng Tử. Hơn thế nữa, so với Đạo Phật thì Lão Tử lại thiên về Vô vi, siêu hình trong khi Phật Giáo thì nhân bản và khoa học.

Để tìm hiểu vấn đề, xin trước tiên xem qua định nghĩa của chữ Đức và Đạo hạnh Lập Đức của Đạo Lão như thế nào?

Về định nghĩa, qua quyển Đạo Đức Kinh, Đạo Lão cũng đã giảng dạy về chữ Đức và Lập Đức với 3 định nghĩa đã nêu. Đó là "Được", "Cái dụng của Đạo" và "Năng lực ngấm ngấm". Tuy nhiên cũng như nhiều luận giả đồng ý, đó là với Đạo Lão thì khía cạnh Vô vi siêu hình được

chú ý nhiều hơn, do đó Đạo Lão chú trọng đến hai định nghĩa: “Cái dụng của Đạo” và “Năng lực ngấm ngầm”.

Thật vậy, chữ Đức trong Đạo Lão, qua Đạo Đức Kinh, được thấy rõ nét với hai nghĩa, đó là cái Đức của Đạo, tức cái năng lực ngấm ngầm và thứ hai là cái Đức liên quan đến nhân sinh gọi là “Nhân sự chi Đức”, tức cái Đức khi mất Đạo.

Về cái Đức khi đã mất Đạo tức “Nhân sự chi Đức” thì tại Chương 38 Thiên Hạ, quyển Lão Tử Đạo Đức Kinh, Lão Tử đã nói như sau:

“Cổ, thất Đạo nhi hậu Đức.

Thất Đức nhi hậu Nhân.

Thất Nhân nhi hậu Nghĩa.

Thất Nghĩa nhi hậu Lễ”.

Nghĩa là khi Đạo không còn nữa, nói nôm na là khi con người đã mất Đạo rồi thì lúc đó người ta nói đến Đức, và khi con người không còn có Đức nữa thì lúc đó mới nói đến Nhân. Đến khi lòng Nhân đã cạn thì mới kêu gọi đến Nghĩa. Cuối cùng lúc Nghĩa chẳng còn giữ được thì phải vớt vác gọi đến Lễ để nhờ Lễ phục hồi lại Nghĩa, từ Nghĩa phục hồi lại Nhân, từ Nhân phục hồi lại Đức và từ Đức quay về với Đạo.

Đây là chữ Đức khi mất Đạo hay “Nhân sự chi Đức” tức cái Đức mà nhân sinh có thể nương theo trình tự đó mà trở về với Đạo, để không còn mất Đạo nữa.

Trên đây là cách trình bày của Lão Tử chứ Lão Tử không cố xúy cách “lập Đức nhân sự” này, vì Lão Tử cho rằng Lễ chỉ là màu mè, những gì hào nhoáng bên ngoài để biểu trưng cho sự kính vì hay trung tín một khi an bình xã hội đã lung lay và đã có mầm mống hỗn loạn (Phù Lễ giả trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ - Chương 38 Đạo Đức Kinh).

Tóm lại, Lão Tử cho rằng trình tự Lập Đức thế này, đó là cái Đức không phải là “Cái Đức của Đạo” mà là “Cái Đức của sự mất Đạo”

và chính ở điểm này mà có người cho rằng Khổng Giáo và Lão Giáo đối chọi nhau.

Từ quan điểm và lập luận như trên, Lão Tử chủ trương cái “Đức của Đạo”. Đức đó là cái động hữu hình của Đạo, là cái Đức “Thị vị bất tranh chi Đức, thị vị dụng nhân chi lực, thị vị Phối Thiên chi cực”. (4) Đó là cái Đức không tranh. Do không tranh nên mới thắng (Bất tranh nhi thiên thắng) mà lý do là vì mình không tranh với ai thì nào có ai muốn tranh với mình, nói khác hơn là vì mình không muốn hơn ai nên không ai hơn thua với mình, không ai hơn mình được. Hơn như thế mới là hơn trong Đạo hạnh hơn từ bản thể, cái hơn không phải do ý nghĩ, lời nói, việc làm tức hữu vi, hữu lậu mà đó là cái hơn do không tranh hơn ai, vô vi, vô lậu, nên tự bản thể cái hơn đó nó hơn tất cả.

Hơn như thế mới là cái hơn có được từ Đức của Đạo, cái hơn từ cái năng lực ngấm ngấm tiềm ẩn, và nhờ cái năng lực ngấm ngấm tiềm ẩn này để lập Đức của Đạo mà nhà Phật gọi là Công Đức đó vậy.

- Lập Đức theo Phật Giáo.

Trong việc Lập Đức theo Giáo lý Đạo Phật có một câu chuyện như sau:

Bồ Đề Đạt Ma, vị Tổ Thiền Tông thứ 28 từ Ấn Quốc Đông độ sang Trung Quốc. Sau ba năm lênh đênh trên mặt biển, Ngài đến Quảng Châu và được Vua nhà Lương là Lương Võ Đế triệu thỉnh.

Lương Võ Đế là một vị vua hâm mộ Đạo Phật. Ông có xây cất nhiều chùa, độ nhiều Tăng và làm nhiều việc thiện. Khi Ngài gặp Đức Bồ Đề Đạt Ma, vua Lương Võ Đế hỏi:

“Trẫm đã cất được 72 kiếng chùa, nuôi được mấy ngàn Tăng sĩ, thường bố thí chẩn bần, thiết trai đàn, như vậy Trẫm có được nhiều công Đức không?”

Để trả lời vua Lương Võ Đế, Đức Bồ Đề Đạt Ma lắc đầu và nói rằng: “Thật không có công Đức gì cả”.

Vì câu trả lời này, cộng thêm nhiều câu kể tiếp đã làm phật lòng nhà Vua. Đức Bồ Đề Đạt Ma biết rằng mình không có duyên với nhà Vua, do đó đang đêm bỏ sang nước Ngụy ở phương Bắc, vào chùa Thiếu Lâm ngồi diện bích 9 năm, trở thành vị Tổ Thiền Tông thứ nhất ở Trung Quốc.

Để giải đáp thắc mắc vì sao Đức Bồ Đề Đạt Ma nói vua Lương Võ Đế không có công Đức chi cả, dù rằng nhà vua đã làm không biết bao nhiêu việc thiện lành, Lục Tổ Huệ Năng về sau trong Kinh Pháp Bảo Đàn, phẩm Nghi Vấn, có giải thích rõ qua câu chuyện sau:

“Một hôm có một vị Thứ Sử vì Tổ thiết đại hội trai đàn. Trai xong, Thứ Sử xin Tổ đăng toà, quan liêu sĩ tú đều thành kính lễ bái và Thứ Sử hỏi rằng: “Đệ tử nghe Hoà Thượng thuyết pháp, thật không thể nghĩ bàn, nay có một ít nghi, cúi mong Ngài đại từ bi đặc biệt vì giải nói”.

- Tổ Huệ Năng bảo: “Có nghi liền hỏi. Tôi sẽ vì các Ông mà nói”

- Thứ Sử thưa: “Hoà Thượng nói Pháp, đâu không phải là Tông chỉ của Tổ Đạt Ma ư?”

- Tổ bảo: “Đúng vậy”.

- Thứ Sử thưa: “Đệ tử nghe Tổ Đạt Ma khi mới đến gặp Vua Lương Võ Đế, Võ Đế hỏi: “Trăm một đời cất chùa, độ tăng, bố thí, thiết trai có những công Đức gì? Tổ Đạt Ma bảo: “Thật không có công Đức”.

Đệ tử chưa thấu được lẽ này, cúi mong Hoà Thượng vì nói.”

Tổ Huệ Năng bảo: “Thật không có Công Đức, chớ nghi lời của bậc Tiên Thánh. Võ Đế tâm tà, không biết Chánh Pháp, cất chùa, độ tăng, bố thí, thiết trai đó **gọi là cầu phước**. Không thể đem phước đổi làm Công Đức. Công Đức là ở trong Pháp thân, không phải do tu phước mà được.”

Như vậy theo Giáo lý Đạo Phật thì phước Đức và Công Đức khác nhau. Phước Đức thuộc về hữu vi, liên quan đến tiền trần ngoại cảnh tức ngoại vi, **còn công Đức thuộc về nội tâm, liên quan đến năng lực ngấm ngấm được vận dụng để lìa niệm, vô**

nhiểm, không phân biệt, không ngỗ ngữ tức không có tướng ngữ, tướng như trái lại tất cả đều Bình đẳng, Bác ái, Từ bi.

Tóm lại, Công Đức thuộc về nội tâm còn phước Đức liên quan đến ngoại tướng hữu vi. Như vậy theo Giáo lý Đạo Phật thì việc lập Đức và tạo phước khác nhau.

Lập Đức không phải do bố thí, cúng dường, cất chùa, độ Tăng mà được.

Giáo lý công Đức này của Đạo Phật cũng không khác gì Giáo lý "Thượng Đức nhược cốt" hay "Thượng Đức bất Đức" của Đạo Lão, hay Giáo lý "Minh Minh Đức" của Đạo Khổng.

b- Lập Đức trong Tam Giáo có kế hợp hay đối chọi nhau không?

Đến đây một câu hỏi được đặt ra, đó là cách lập Đức trong Tam Giáo có kế hợp nhau không hay đối chọi nhau?

Phải nói rằng nếu nghiên cứu thấu đáo tận tường thì lập Đức trong Tam Giáo kế hợp nhau. Sự kế hợp tương thuận tương tùy này càng được thấy rõ hơn qua Giáo lý và sự thờ phượng của Đạo Cao Đài.

Đây là lý do mà nếu trước kia Ngài Tiếp Pháp Trương Văn Tràng trong quyển Giáo Lý nói rằng Cao Đài Quy nguyên Tam Giáo ở chữ Tâm thì nay chữ Đức hay Đạo hạnh Lập Đức của Đạo Cao Đài cũng Quy nguyên Tam Giáo vậy.

Đức có hai phần, Đạo Lão gọi là thượng Đức và hạ Đức, Phật Giáo gọi là công Đức và phước Đức, còn Khổng Giáo gọi là tại Minh Minh Đức tức là cái tiềm lực ẩn tàng trong con người. Nếu Phật Giáo nói "Lập Đức là công Đức xuất phát từ nội tâm thì Khổng Giáo cũng dùng nội lực Chánh Tâm, Thành ý của mình để làm sáng cái Đức sáng mà mình sẵn có (Tại Minh Minh Đức), và Lão Giáo cũng không khác, cũng dùng năng lực ngấm ngấm, ẩn tàng để "Thượng Đức nhược cốt" (*Chương 41 Đạo Đức Kinh*) có nghĩa là Đức cao (Thượng Đức) như cái hang (Nhược cốt) tức người có Đức cao thì tâm trống không, không ngữ không như, không người, không ta, do đó mà

không đúng không sai, không cao không thấp, không phải không quấy, không tốt không xấu, không thương không ghét, chỉ thuận theo tự nhiên, tất cả đều Như như, tâm không động vì thanh tịnh, trống rỗng mà Đạo Phật cũng nói “Tâm không” để chỉ mục đích của công Đức tức Lập Đức trong nhà Phật cũng không gì khác hơn là đạt đến “Tâm không” cũng có nghĩa là “Tánh không”.

Tóm lại, hạnh Lập Đức trong Giáo lý Tam Giáo không có gì khác nhau mà trái lại là khề hợp nhau.

3- Lập Đức theo Giáo lý Đạo Cao Đài

Khi nhập môn vào Đạo rồi người tín đồ Cao Đài phải tu học, rèn luyện bản thân cho có đầy đủ Đức độ, thương người, mến vật, mến cả chúng sanh, dọn mình cho trong sạch để bước lên ngôi vị Thiêng liêng trong buổi qui hồi cự vị. Đại cương, lập Đức trong Đạo Cao Đài gồm có:

- Tu Thân.
- Trì giới.
- Bối thí.
- Tịnh Luyện.

a- Tu thân (5)

Muốn lập Đức trước nhất phải lo tu thân khắc kỷ và theo lời dạy của Đức Cao Thượng Phẩm là để: “Đem trật tự lại trong con người, sửa ngay ngăn lại những gì chệnh lệch, chấn chỉnh lại những gì gian tà, đổi ra thành thật những gì giả dối”.

Để hoàn thành những công việc này, bản thân phải thực hiện nghiêm chỉnh những lời dạy của Đức Khổng Tử là phải Thành ý, Chính Tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ.

Về tu thân thì có Ngũ thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

- Nhân:

Bởi cái Đức lớn của Trời là sự Sinh, thì Đạo làm người phải theo Đạo Trời mà bồi dưỡng sự Sinh. Cái Đức làm cho ta yêu người, yêu vật, muốn cho vạn vật "Cát đắc kỳ sở", đó là Đức Nhân vậy. Cái Nhân đó ứng dụng vào đời sống con người thì nó gồm tất cả nghĩa vụ làm người, nên Thầy Mạnh Tử nói Nhân là Đạo làm người. Thực hành chữ Nhân là đem Thiên lý vào đời sống thực tế.

Muốn làm điều Nhân, người ta phải giữ lòng ngay thẳng, chẳng cho tư dục xen vào Tâm, để cho nguồn Thiên lý ở trong Tâm ung dung phát triển rồi ta cứ theo tiếng nói Thiêng liêng mà làm cho hết sức mình. Theo tình cảm, trước tiên chúng ta phải thương những người thân cận như là cha mẹ, anh em, gia tộc; thứ nữa phải nở rộng lòng Nhân đến cả nhơn loại vì Đức Nhân là tiêu chuẩn của lòng từ ái và tánh vị tha.

Thầy Mạnh Tử có quan niệm là lòng Nhân Ái ví như cái hoa của đời sống, sự sinh tồn thiết thực là tình thương tràn trề và sung mãn. Nếu lòng Nhân ái không được mở mang đầy đủ thì nó như cái hoa héo trước khi nở.

Tóm lại, người có lòng Nhân phải trang nghiêm, phải có ý chí bền bỉ, không làm cho ai những điều mà mình không muốn người khác làm cho mình, khiêm nhượng, khoan hồng, cần mẫn, quảng đại, thi ân huệ cho người, thương yêu mọi người và mong cải tạo xã hội.

- Nghĩa

Nghĩa là cử chỉ tác động theo Đạo lý, theo lòng Nhân nâng cao giá trị con người. Giúp đỡ một người nghèo đói, cứu vớt một kẻ té sông, chia sẻ thống khổ của người già cả tật bệnh, đó là làm điều Nghĩa.

Con người ai cũng có tánh ưa điều Nghĩa, song không làm được điều Nghĩa là tại cái lợi làm hỏng vậy. Người quân tử chủ tâm lấy cái Nghĩa trọng hơn cái lợi. Theo các Nho gia nếu biết khiến lòng háo Nghĩa thẳng được lòng dục lợi thì thành ra điều hay, mà để lòng dục lợi đè được lòng háo Nghĩa thì thành ra điều dở. Nghĩa thẳng được lợi là đời trị, lợi đè được Nghĩa là đời loạn. (Nghĩa thẳng lợi giả vi trị thế, lợi khắc Nghĩa giả vi loạn thế). Cho nên Nho học khuyên "Tiên Nghĩa nhi hậu lợi" tức là phải làm việc Nghĩa trước rồi sau sẽ cầu lợi.

- Lễ

Lễ không phải chỉ dùng để nói về việc thờ phượng cúng tế theo Tôn Giáo mà nó bao gồm cả những qui củ mà phong tục và tập quán của nhân quần xã hội đã thừa nhận như quan, hôn, tang, tế v.v. Lễ cũng dùng để khiến hành vi của người cho có chừng mực và hợp với Đạo lý, vì nếu không có Lễ thì mọi việc trên đời đều hỏng vì rối loạn. Cho nên Đức Khổng tử dạy bảo Thầy Nhan Uyên rằng: “Không phải Lễ thì chớ trông, không phải Lễ thì chớ nghe, không phải Lễ thì chớ nói, không phải Lễ thì chớ làm”. (Phi Lễ vật thị, phi Lễ vật thính, phi Lễ vật ngôn, phi Lễ vật động)

Ngoài ra, Lễ còn có hiệu lực định lẽ phải trái, tình thân sơ và trật tự trên dưới cho phân minh. Trong xã hội có vua tôi, thầy trò, cha con, chồng vợ, có người thân, có kẻ sơ, có việc phải, có việc trái, cho nên phải có Lễ để phân biệt tôn ti, khiến người ta biết cư xử với nhau cho phải Đạo, phân ra trật tự làm cho vạn vật không có điều chi hồ đồ hỗn độn.

Lễ để ngừa sự loạn sinh ra cũng như bờ đê giữ cho nước không đến được. Người giàu sang biết Lễ thì không bạo ngược, kiêu căng; người bần tiện biết Lễ thì không nản chí, không làm bậy. Bậc vua chúa biết Lễ thì mới biết cách trị nước an dân.

Bởi vậy các đấng Đế vương đời trước sở dĩ trị được thiên hạ là vì hiểu rõ thị dục của người ta, nên mới đặt ra Lễ và Nghĩa để phân biệt cái lợi, cái hại để trị thất tình (Hỉ, nộ, ái, cụ, ố, dục) và sửa Thập Nghĩa là phụ tử, tử hiếu, huynh lương, đệ lễ, phu nghĩa, phụ thính, trưởng huệ, ấu thuận, quân nhân, thần trung, đem sự hoà thuận, chuộng sự nhân nhượng bỏ sự tranh cướp.

Trên thế gian, con người chỉ biết được cái đã rồi, không biết được cái sắp có, Lễ là để ngăn cản trước việc chưa xảy ra, Pháp luật là để trị việc đã có rồi.

Bởi vậy, Thánh nhân trọng Lễ chớ không trọng hình.

- Trí

Trí là một Đức tính giúp chúng ta phân biệt điều lành lẽ dở, điều chánh lẽ tà. Người trí luôn luôn theo đường Đạo Đức, tránh kẻ vạ tà, gần người lương thiện để nâng cao giá trị mình trên đường xử kỷ, tiếp vật.

Về cách luyện trí, Đức Khổng Tử dạy ba điều:

- Luyện trí bằng cách học hỏi người nay.
- Luyện trí bằng cách khảo cổ (Học theo gương Thánh Hiền thời xưa).
- Luyện trí bằng cách trầm tư mặc tưởng để định trí an thần, tầm cho ra chân lý.

Nhờ có học con người mới được trí minh mẫn, thấy xa hiểu rộng. Trong sự học hỏi phải có sự Chí thành, cương quyết, không vì thấy khó mà bỏ dở giữa chừng. Có điều mình chẳng học, nhưng đã học mà chẳng thành công thì không thối, có điều mình chẳng hỏi, nhưng hỏi mà không thông suốt thì không bao giờ chịu, có điều mình chẳng suy nghĩ, nhưng suy nghĩ mà không vỡ lẽ thì suy nghĩ mãi. Có bền chí như vậy sự học mới có kết quả khả quan.

Trí được sáng suốt, mình mới tự biết mình và biết người. Nếu làm người mà mình không tự biết mình thì thật lấy làm thương hại. Biết người biết ta tức là bậc trí giả, không khi nào thất bại trên đường đời cũng như đường Đạo.

Thầy Mạnh Tử nói: “Cái kết quả chánh đại của Đức Trí là sự thực hành rất kiên cố Đức Nhân và Đức Nghĩa, vì vậy Đức Trí và lòng Nhân ái là hai kho quý báu của người hoàn thiện, là hai Đức tính không rời nhau, vì không thể có cái này mà không có cái kia.

- Tín

Tín là tin tưởng.

Trong phần Tín này, lời nói phải đi đôi với việc làm. Con người phải giữ chữ Tín và phải quý trọng lời mình nói ra, đúng lời, đúng hẹn. Có

câu: “Nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy”. (Nghĩa là một lời nói ra, xe tứ mã đuổi theo không kịp).

Chữ Tín rất quan trọng. Nó thể hiện phẩm chất Đạo Đức con người mình. Con người mà không có chữ Tín thì không làm nên được điều gì (Nhơn vô tín bất lập).

Tóm lại, biết được tác dụng của năm Đức tính này (Ngũ thường) chúng ta theo đó mà tập luyện cho hết sức mình, làm cho nhập tâm hầu áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình. Nho Giáo còn cho rằng người quân tử cần hợp đủ các Đức tính này. Người nào còn thiếu kém một trong những Đức tính căn bản này thì không xứng đáng là người học Đạo và biết Đạo.

b- Trì Giới.

1- Ý nghĩa của Giới.

Giới giữ một vai trò quan trọng trong việc trau dồi Đức hạnh của người tín đồ để từ đó người tín đồ tiến bước trên con đường Đạo. Đại cương giới có những đặc tính sau:

Giới là nền tảng căn bản của Đạo để dạy tín đồ tu hành, nghĩ thiện làm lành, quan trọng nhất là không tạo Nghiệp. Chính nghiệp là động cơ dẫn dắt luân hồi.

- Giới đối với người tu cũng như nền nhà đối với ngôi nhà. Muốn cho ngôi nhà càng bền càng cao thì nền nhà phải thật vững chắc. Người tu cũng vậy. Muốn tránh khỏi sinh tử luân hồi và được siêu thăng hay giải thoát, trước tiên phải giữ gìn giới, giống như trước khi muốn cất nhà phải xây nền nhà thật vững chắc vậy.

- Giới gồm những tín điều về Đức hạnh, là Giáo pháp tiên khởi mà tín đồ của bất cứ tôn Giáo nào cũng phải hành trì trước khi muốn tiến xa hơn nữa trên bước đường chuyển hoá tâm thức hay phổ độ.

- Giới là nấc thang đầu lập phước Đức để bước lên các bậc thang công Đức. Bất cứ khách trần nào, cư sĩ hay tu sĩ, thuộc bất cứ Tôn Giáo nào, một khi đã bước vào đường tu thì trước nhất phải lấy Giới làm căn bản. Người tu nếu không giữ Giới thì dù tu Pháp môn nào

vẫn không có nền tảng vững chắc. Công tu dù có nhưng chứng quả sẽ không, và dù có đi phổ độ như sanh, có hành pháp gì thì cũng không làm sao diệu dụng được.

2- Giới của người tín đồ Cao Đài.

Đã nhập môn vào Đạo, người tín đồ Cao Đài phải học thuộc kinh, giữ Giới, tuân hành nghiêm chỉnh các Luật của Đạo cùng phải học Thánh Ngôn, Thánh Giáo dạy Đạo. Kinh ở đây là kinh Thiên Đạo và kinh Thế Đạo. Giới ở đây là Ngũ Giới Cấm và Tứ Đại Điều Qui được ghi trong Tân luật.

Ngũ Giới Cấm là năm điều cấm căn bản mà tín đồ Cao Đài phải tuân hành để trau dồi tánh hạnh, được quy định ở Chương V, Điều thứ hai mươi mốt của Tân Luật.

Năm điều đó như sau:

1- Nhứt Bất Sát Sanh: là chẳng nên sát hại sanh vật.

2- Nhì Bất Du Đạo: là cấm trộm cướp; lấy ngang; lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc lượm lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy để ý hại người mà lợi cho mình, cờ gian bạc lận.

3- Tam Bất Tà Dâm: là cấm lấy vợ người, thả theo đảng điếm, xúi dục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (Vợ chồng không gọi là tà dâm)

4- Tứ Bất Tửu Nhục: là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.

5- Ngũ Bất Vọng Ngữ: là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi dục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ mắng, thô tục, chửi rủa người, phỉ báng Tôn Giáo, nói ra không giữ lời hứa.

Ngoài việc tuân theo Ngũ Giới Cấm, người Tín đồ Cao Đài còn phải **tuân hành Tứ Đại Điều Qui** được ghi ở Điều hai mươi hai của Tân Luật:

Điều 1- Phải tuân theo lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy Lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

Điều 2- Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo, đừng nhớ cừu riêng. Chớ che lấp người Hiền.

Điều 3- Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

Điều 4- Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khinh sau.

Đừng thấy đồng Đạo tranh đua ngời mà xem không để lời hoà giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý trên mà trái trên để dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người.

Nói chung, giữ Giới là để trau dồi Đạo hạnh, cũng như nghiêm túc tuân hành Tân Luật là tuân hành Luật Thiên Điều tại thế. Về điểm này, Đức Chí Tôn có giải thích lợi ích của Tân Luật như sau:

“Thầy tỏ thật cái Luật lệ mà Thầy khiến các con chung trí mà lập thành đây, nó ảnh hưởng về Đạo Đức, Tiên phong, Phật sắc của các con, nên Thầy buộc mình cam chịu vậy; chẳng Luật lệ thì trái phép, mà trái phép thì thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng.”

Tóm lại, giữ Giới, tuân hành Luật Đạo là rèn luyện, trau dồi Đức hạnh cho mình trong phạm vi lập Đức.

Đức Chí Tôn có lời khuyên:

“Nơi lòng Thầy ngự động Thầy hay,

Ngặt nổi là xưa chẳng thế bày.

Đạo hạnh khuyên con gìn tánh Đức

Cửa Kinh Bạch Ngọc đã gần khai.”

c- Bồ thí. (6)

Lập Đức lấy Bồ thí làm phương tiện. Theo Phật Giáo, Bồ thí là hạnh đầu tiên trong lục độ Bồ Tát hạnh (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.) gồm có Tài thí, Pháp thí và Vô úy thí.

Theo Đức Nguyên trong Cao Đài, Bồ thí gồm có Thí tài, Thí công, Thí ngôn, Thí Pháp

Thí Tài là đem tiền của giúp khó trợ nghèo. Thí Công là đem sức lực làm những công việc giúp người. Thí Ngôn là đem lời nói mà giúp ý kiến hay cho người để giải quyết những khó khăn của người. Thí Pháp là đem lẽ Đạo để cảm hóa để Giáo dục người trở nên lành.

Những cách Bồ thí trên chỉ có Thí Pháp là có nhiều công Đức hơn cả. Giúp người đói, giúp người hết khổ hay thoát khỏi tai nạn cũng chỉ qua một thuở mà thôi, duy chỉ có đem Pháp ra hóa độ người dữ ra hiền, người mê muội ra giác ngộ lo tu hành để mong thoát được vòng sinh tử luân hồi thì công Đức ấy đời đời chẳng mất. Lập Đức phải đứng trên quan điểm vô ngã, tức là quên mình mà lo cho người, chẳng cầu người trả, chẳng nghĩ đó là công do ta làm.

Muốn lập Đức trên phương diện thí pháp cần phải có quyết tâm lớn trên đường tu học. Phải học cho thông, phải hiểu cho rành, quán thông từ Nhơn Đạo đến Thiên Đạo. Phải cầu bậc cao minh mà thọ Giáo, chớ nên tự mãn, mới học nhóm nhem nửa câu mà cho rằng biết hết, rồi đem cái biết thô thiển đó truyền thụ cho người thì tai hại vô cùng, không Lập Đức được mà lại tổn Đức .

Ngày nào học thông Chánh lý, lòng thông suốt, hiểu rành, nói rành chẳng còn gì trái với chơn ý của Thánh nhân, ấy là thể theo Thánh nhân mà nói lại lời của Thánh nhân.

Nếu là kẻ mê tín thì ta lấy Chánh tín mà độ họ. Nếu là kẻ tư dục thì ta đem công lý giải bày. Nếu là kẻ tham lam thì ta đem việc thí tài mà giảng giải. Nếu là kẻ sân hận thì ta đem pháp nhẫn nhục mà độ.

Nếu gặp kẻ chẳng may lạc vào Tả Đạo Bàn môn thì ta đem chánh Đạo mà khai hóa. Nếu là kẻ si mê thì ta đem chánh lý mà mở mang trí tuệ cho họ...

Khi Lập Đức thì phải lập từ Đức nhỏ đến Đức lớn. Đức nhỏ cảm hóa người trong nhà, Đức lớn cảm hóa nhiều người trong thiên hạ. Đức lớn là Đức của bậc Thánh nhân, Đức nhỏ là Đức của bậc sĩ, hiền.

Đức lớn sáng soi khắp Trời đất, chói lọi như ánh thái dương, nên gọi là Minh Minh Đức . Có Minh Minh Đức mới xây dựng được một thể hệ tươi đẹp, mới đào tạo được giống dân mới gọi là Tân Dân. Tân Dân còn gọi là Thân Dân là thương mọi người như thương mình, hay như thương người thân của mình.

Vua Nghiêu hằng nói với quần thần: “Các khanh hãy thương yêu dân như thương yêu Trầm, dân đói là Trầm đói, dân rét là Trầm rét, như vậy đời sao không thành trị?”. Quần thần khi nghe được lời nói của đấng minh Quân như thế thì ai mà chẳng xúc động. Toàn thể quốc dân nghe được lời nói của vua như thế thì ai mà chẳng động lòng. Động lòng vì Đức cả, Nhân lớn, nên cả thảy đều lo tích Đức tu nhân, mọi người đều no cơm ấm áo. Chẳng còn nghèo, chẳng còn đói thì đâu còn cảnh trộm cướp mà chỉ đua nhau làm Nhân nghĩa, nên nhà nhà không đóng cửa, ngoài đường không ai lượm của rơi, người người thành thoi mà an hưởng cảnh thanh bình Trời Nghiêu đất Thuấn.

d- Tịnh luyện.

Theo Tân Luật, nơi đề mục Tịnh Thất, người tín đồ muốn được vào Tịnh thất để tu luyện thì phải có điều kiện là đã xử tròn như Đạo và giữ trai giới từ sáu tháng sắp lên.

Người vào Tịnh thất phải giữ cho Chơn thần an tịnh, đừng xao xuyên lương tâm và phải tuân mạng lệnh của một Tịnh chủ để hành công tu luyện.

Trong việc lập Đức, Đức Phạm Hộ Pháp đã chỉ dẫn rất rõ khi Đức Ngài dạy tín đồ nên “Hồi Quang Phản Chiếu” qua hai Đàn thuyết Đạo tại Đền Thánh vào ngày 9-7 và 15-12 năm Mậu Tý 1948.

Hồi Quang Phản Chiếu là chẳng nên phóng quang dong ruỗi bên ngoài mà trái lại phải trở về với nội tâm mình, soi rọi lại chính mình, dùng nội lực nội tâm tức năng lựa ngấm ngấm để thanh tịnh bản thân, làm cho vọng tâm trở thành chơn tâm, tức tâm phàm phu trở thành tâm Thánh hiền, Tiên Phật. Đây là cách dụng công Lập Đức để trở về với Đạo mà Đạo Phật gọi là Công Đức, để tâm phàm phu trở thành tâm Thánh hiền, Tiên Phật. Đây là cách dụng công Lập Đức để trở về với Đạo mà Đạo Phật gọi là Công Đức, Đạo Lão gọi là Thượng Đức và Đạo Khổng gọi là Minh Minh Đức và Đạo Cao Đài gọi là Lập Đức .

Nói cách khác, Đạo Cao Đài với chân lý Lập Đức là đã dung nạp Công Đức, Thượng Đức, Minh Minh Đức của Tam Giáo vì lập Công Đức, lập Thượng Đức hay Minh Minh Đức, cả ba cũng đều là Lập Đức mà thôi.

Trên đây là một số ý niệm về việc Lập Đức từ những người bình dân cho đến bậc Vua quan cao trọng đều có thể lập được tùy theo khả năng, địa vị trong xã hội.

B- LẬP CÔNG.

Lập Công là đem sức lực của mình ra làm việc để phụng sự cho Nhơn sanh.

Việc Lập Công được chia ra làm ba phần: Công phu, Công quả, Công trình. (Còn gọi là Tam Công)

1)- Công phu:

Phần Công phu gồm có hai việc:

* Học tập để thông hiểu Giáo lý, Luật pháp, Kinh kệ của Đạo và cúng Đức CHÍ TÔN vào tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu.

* Học tập Kinh sách Đạo:

- Kinh thì có Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo (Tân Kinh).

- Luật thì có Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Bát Đạo Nghị Định, Đạo Luật năm Mậu Dần, Luật Hội Thánh.

- Giáo lý thì có các sách: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp, Giáo lý của Tiếp Pháp Trương Văn Tràng, Thiên Đạo của Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Chánh Trị Đạo của Khai Pháp Trần Duy Nghĩa, v v... .

Việc học tập kinh sách có mục đích mở mang thể Trí của tín đồ.

* Cúng Đức Chí Tôn vào tứ thời:

Thực hiện cúng Đức Chí Tôn nơi Thiên Bàn tại tư gia hoặc tại Thánh Thất vào Tứ thời: thời Tý lúc 12 giờ khuya, thời Mẹo lúc 6 giờ sáng, thời Ngọ lúc 12 giờ trưa, thời Dậu lúc 6 giờ tối.

Việc Tứ thời công phu này rất quan trọng, vì lúc đó chơn thần chúng ta hấp thụ thanh điển của Trời.

Đức Quan Âm Bồ Tát giáng Cơ nói rằng:

“Các em phải lo cúng kiếng thường:

- Một là tập cho Chơn thần gần gũi các Đấng Thiêng Liêng cho đặng sáng lạng.

- Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

- Ba là có tế Lễ thì tâm phải có Cảm, Cảm rồi mới Ứng là lẽ tự nhiên.

- Bốn là tâm có Cảm thì lòng Bác ái mới mở rộng, mà nhưt là khiếu lương tri lương năng của các em nhờ đó mà lần hồi thành ra mẫu huệ. Các em nhớ à!” (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Thất Nương Diêu Trì Cung cũng có viết:

“Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi”.

Như vậy, việc Công phu hằng ngày giúp cho người tín đồ mở được Trí huệ, tức là cái trí càng ngày càng thêm sáng suốt.

2)- Công quả.

Tất cả những việc làm giúp người giúp đời, phụng sự Đạo, phụng sự nhơn sanh, dù phạm vi nhỏ hay lớn, đều gọi là Công quả, vì những công việc này tạo ra một kết quả tốt đẹp nơi cõi Thiêng liêng.

Công quả muốn được chánh danh và đúng ý nghĩa của nó thì phải là Công quả phát xuất từ lòng tự nguyện tự giác, thiết tha với nó, xem nó là mục đích của đời mình.

Mỗi người tùy theo khả năng chuyên môn mà làm Công quả. Trong Đạo, biết bao nhiêu công việc, đủ mọi ngành nghề, từ việc làm bằng sức lao động đến việc làm bằng trí não.

Đức Chí Tôn hằng dạy rằng: “Vậy Thầy khuyên các con, đứa nào có trí lực bao nhiêu, khá đem ra mà thi thố, chớ đừng sứt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uổng cái điểm Linh quang của Thầy ban cho các con lắm”. (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Đức Chí Tôn cũng đã hứa: “Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần”. Đức Chí Tôn đại khai ân xá, mở Đạo kỳ ba này là lập một trường thi công quả cho nhơn sanh đăc Đạo.

“Thầy nói cho các con biết, nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đăc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao”. (Thánh Ngôn Hiệp Tuyển)

Làm công quả phụng sự nhơn sanh là thể hiện đức tánh Từ Bi, Bác Ái. Càng làm Công quả thì thể Bi trong mỗi người chúng ta càng phát triển, và phải tiếp tục làm cho nó phát triển mãi, để cuối cùng hòa nhập được vào khối thương yêu vô tận của Đức Chí Tôn.

3)- Công trình:

Công trình là việc lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ Giới Luật như: Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, Thế Luật, việc ăn trai kỳ hay trường trai.

Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ, hùng dũng mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham muốn của thể xác, do lục dục và thất tình xúi giục gây ra. Thể xác lúc nào cũng muốn tự tung tự tác, sung sướng thoải mái, chớ đâu chịu bó mình trong Giới luật.

Do đó, việc lập hạnh tu hành là thể hiện cái Dũng của con người. Cần phải dũng cảm chiến thắng sự đòi hỏi buông lung của thể xác. Không có chiến thắng nào vẻ vang hơn chiến thắng được dục vọng của mình.

Tóm lại:

- Công quả là thể hiện Đức BI.
- Công phu là thể hiện Đức TRÍ.
- Công trình là thể hiện Đức DŨNG.

Tam Công: Công phu, Công quả, Công trình, liên hệ mật thiết nhau, quan trọng như nhau, giống như Bi, Trí, Dũng, không thể tách rời, không thể bỏ sót phần nào được, mà phải phát triển song song nhau thì sự tiến hóa tâm linh mới nhanh chóng và mau đắc quả.

C- LẬP NGÔN.

Lập Ngôn là nói những lời chơn thật, chánh đáng và có Đạo Đức. Lời nói thốt ra từ cửa miệng gây nên khẩu nghiệp. Trong Tam nghiệp: Thân, Khẩu, Ý, thì Khẩu nghiệp dễ mắc phải nhất, vì lời nói không mất tiền mua nên người ta cứ phát ngôn bừa bãi vô tội vạ. Nhưng người tu thì phải nghĩ rằng: lời nói không tốt gây ra khẩu nghiệp cũng nặng nề như Thân nghiệp và Ý nghiệp.

Cho nên khi nói ra lời nào, chúng ta cần phải suy nghĩ cho cẩn thận, xem lời nói đó có chơn thật không, có gây thiệt hại cho ai không?

Tây phương có một câu cách ngôn làm lời khuyên rất quý báu: Trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần.

Nho Giáo cũng có dạy rằng: “Nhứt ngôn khả dĩ hưng bang, nhứt ngôn khả dĩ tán bang”. Câu nói này là để cảnh giác các vị Vua khi

nghe những lời tâu cáo của quân thần: lời nói nào trung quân ái quốc, lời nói nào sàm nịnh hại nước, hại dân.

Đức CHÍ TÔN cũng thường dạy rằng: “Thầy dạy các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh, thà là các con làm tội mà chịu tội cho đành, hơn là các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể”.

Người tín đồ Cao Đài muốn Lập Ngôn đứng đắn thì phải áp dụng triệt để những điều răn cấm như sau;

- Cấm vọng ngữ: tức là nói dối.
- Cấm lưỡng thiệt: tức là đem chuyện người này thuật lại với kẻ nọ làm cho hai bên xích mích nhau.
- Cấm ác khẩu: tức là lời nói hung dữ.
- Cấm ý ngữ: tức dùng lời xảo trá để gạt gẫm người sai vào tội lỗi.

II- TAM LẬP ĐỐI VỚI TAM GIÁO.

Tam Lập (Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn) là tinh túy Giáo lý của Cao Đài đồng thời cũng là một chân đế Quy Nguyên Tam Giáo.

Nói Quy Nguyên Tam Giáo vì Đạo Cao Đài cũng như Nho, Thích, Lão tất cả đều có mục đích cuối cùng là siêu thoát, Phối Thiên, chỉ hiểm vì với chữ phối Thiên thì mỗi Tôn giáo dùng danh từ mỗi khác, nên nhiều khi nảy ra những ý kiến cho rằng có một hai Tôn giáo nào đó có chối bỏ nhau.

Hơn thế nữa, trên 2000 năm qua Tôn chỉ Phối Thiên của 2 Tôn giáo Khổng và Lão hầu như đã bị bỏ qua một bên (bị quên lãng). Khổng Giáo thì đã bị nhiều nước Á Đông làm cho biến hình đổi dạng mà lý do là vì Giáo lý của Đạo Khổng có được khả năng an bang tế thế nghĩa là mang lại được trật tự, an bình cho xã hội, do đó Tôn giáo này trở thành một Đạo dùng để đào tạo các “Phụ mẫu chi dân” hay “Lương y như từ Mẫu”. Chính vì lý do này mà tôn chỉ “Phối Thiên” hay “tại Minh Minh Đức” đã mặc nhiên bị chìm vào quên lãng.

Đó là số phận của Khổng Giáo chuyển thành Nho Giáo do yêu cầu của tình thế mà Lão Giáo cũng không khác.

Ngày nay, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Quy Nguyên Tam Giáo, đặt ba Tôn giáo ngang hàng nhau trong việc cúng kiếng, thờ phượng, thứ đến làm sáng tỏ tôn chỉ "Phối Thiên" của Đạo Khổng là "Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên" (Trung Dung -XX) và "Thiên Nhân bản vô nhị" nghĩa là Trời Người không khác.

Với Đạo Lão, một Tôn giáo qua quyển Đạo Đức Kinh không hơn 5000 chữ nhưng lại chứa đựng tất cả trí khôn của nhân loại, trong đó nơi chương 68 Đức Lão Tử có viết: ". . . .thị vị Phối Thiên chi cực" mà Hà Thượng Công trong phần chú giải Đạo Đức Kinh chỉ ghi có 4 chữ: "thị vị Phối Thiên" và giải nghĩa là Đức Phối Thiên giả tức là Đức hợp với Trời vậy.(7)

Đối với Phật Giáo, về từ ngữ Phối Thiên, Đức Phật Thích Ca có chỉ rõ "Phật tức Tâm hay Tâm, Phật, chúng sanh tam vô phân biệt . ."qua Đàn cơ ngày 15 tháng 9 năm Bính Dần

(24-10-1926) tại Phước Linh Tự trong đó Phật Thích Ca Mâu Ni tá danh Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, Giáo Đạo Nam Phương có dạy: "Các con là chư Phật, chư Phật là các con. . .".

Như vậy lời dạy của Đức Chí Tôn tại Đàn cơ ngày thứ năm 13 tháng 6 Bính Dần (22-7-1926) rằng "Các con là Thầy, Thầy là các con" rất phù hợp với Giáo lý của Đạo Phật.

Tóm lại, dù rằng trên phương diện danh từ, Đạo Cao Đài cũng như Tam Giáo có dùng những từ ngữ khác nhau để quảng diễn Phối Thiên, chữ Phối Thiên vẫn luôn luôn có cùng một ý nghĩa trong Giáo lý Tam Giáo cũng như trong Giáo lý Cao Đài. Do đó có thể nói Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Quy Nguyên Tam Giáo; Quy Nguyên ở chỗ dù được gọi là Thượng Đức như Lão Giáo, Minh Đức như Khổng Giáo, Công Đức như Phật Giáo và Lập Đức như Đạo Cao Đài

III- TAM LẬP ĐỐI VỚI NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI.

A-Tam Lập và việc Tu Thân, Khắc Kỷ, Tiếp vật.

Trong Bài giảng về "Phương Pháp Tu Thân và Thuyết Tam Lập" của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang, có đoạn nói rõ về mối tương quan của việc Tu thân Khắc Kỷ, Tiếp Vật và Thuyết Tam Lập như sau:

“Hai chữ Tu thân không phải chỉ có một ý nghĩa tiêu cực là sửa trị nét xấu mà là bao hàm một chương trình rộng rãi trau dồi Tài, Đức. Tu thân cũng không phải chỉ có một quan niệm hoàn toàn về cá nhân, vì phép tắc đối với mình tức là “Xử kỷ” phải luôn luôn đi kèm với phép tắc đối với người và việc, tức là “Tiếp vật”. Muốn được hoàn hảo trong việc Xử kỷ và Tiếp vật, con người cần phải thực hành phép Tam lập, tức là Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn.”

Nói cách khác, trong cửa Đạo Cao Đài, Tam Lập là một Pháp môn giúp cho người tín đồ không ngừng hoàn thiện trong việc Tu Thân, Khắc Kỷ.

Nếu các Bậc Thánh Hiền Nho Giáo dạy con người “Khử Nhân Dục, Tồn Thiên Lý” thì thuyết Tam Lập phải nói là một Pháp môn giúp con người tiến tới hoàn thiện việc Tu thân, trở về với đường Nhân nẻo Thánh.

Đó là về mặt Khắc Kỷ, Tu thân, còn về mặt Tiếp Vật, thực hiện được Tam Lập là thể hiện Đức Công Bình, lòng Nhân Ái bao dung, là một phương thức tuyệt vời để đạt chữ “Hòa” như Đức Chí Tôn đã dạy “có Hòa mới có Hiệp, có Hiệp mới có Thương, mà sự Thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam Thập Lục Thiên và Cực Lạc Thế Giới”, ngõ hầu dìu dẫn con người trở về với Chân Thiện Mỹ, trở về với “ĐẠO”.

Trong Phần Thuyết Đạo ngày 19-4-Tân Mão tại Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp đã dạy rõ như sau:

“Bây giờ chỉ nói tại sao có Tam Lập ấy mà thôi. Nếu người nào không có Tam Lập thì không có ở chung với ai được hết, chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời, tức nhiên Thể Pháp mà không có bằng cơ chi hết thì ai tin rằng có Bí pháp để đạt Pháp, đạt Đạo.

Thể Pháp mà không làm đặng, Bí Pháp vẫn khó, làm sao cho rồi, nếu mà không rồi hành tàng của họ về Bí Pháp tức nhiên mê hoặc chúng sanh mà thôi. Phải có hình mới có bóng, khi nào thấy bóng tức nhiên chúng ta quyết định có hình, bóng hình phải tương liên với nhau mới đặng.

Ấy vậy Tam Lập là: Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn. Con người khi sanh ra mặt địa cầu này không có Tam Lập thì giá trị con người

không có gì hết. Tam Lập ấy quyết định cho ta, ta phải có mới sống chung với xã hội nhưn quần được.

Nếu con người không có Đức thì làm sao xử sự trong gia đình, ngoài xã hội đặng.

Con người không có Công thì ở với ai cũng không được. . , không làm gì có nghĩa với người, với đời, thì sống với ai?

Cũng như người ta thì chơn chất thật thà, hiền lương Đạo Đức, còn mình xảo ngữ lường gạt, không chút dạ nhưn từ, thì dầu cho người có tài tình đến mấy mà thiếu ba điều đó thì không thể gì sống với ai được hết, như vậy thì địa vị mình tại mặt thế này chưa rồi".(8)

B- Tam Lập và vấn đề Lập vị của người Tín đồ Cao Đài.

Đối với Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn khai Đạo Kỳ ba là nhằm mở Chân Lý ra đem Đạo đến cho nhưn sanh để theo đó dụng công tu tập đạt Đạo (Mang ý nghĩa của hai chữ Phổ Độ: Phổ là bày ra khắp, Độ là cứu Chúng sanh), chứ không có nghĩa là tự hình thành một tha lực từ bên ngoài để cho nhưn sanh nguyện cầu và dựa vào đó mà chứng đắc.

Theo lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp tại Đền Thánh đêm 19-2-Mậu Tý (29-9-48) thì Đức Chí Tôn có dạy như sau: "Của mỗi đứa con, Ông còn giữ một Đại nghiệp. Đại nghiệp ấy không phải của Ông cho mà là của tự mình chúng ta tạo dựng".

Đại nghiệp mà Đức Chí Tôn nói đây là Đại nghiệp giác ngộ giải thoát mà Chúng sanh phải tự mình dụng công tu tập hầu đạt Đạo. Nói rõ hơn, việc thành Đạo hay không là do nơi mỗi người chớ Đức Chí Tôn không cho ai được.

Đức Chí Tôn có dạy: (9)

"Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công Đức cho các con nên Đạo. Vậy đăc Đạo cùng chăng tại nơi các con muốn cùng chăng muốn.

“Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng. Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó”.

Thật vậy, “Ý nghĩa Tự lập” đã được Đức Chí Tôn luôn nhắc nhở, bàn bạc trong các Thánh Ngôn, Thánh Giáo để giáo huấn con cái của Thầy, lúc thì giản đơn bình dị, lúc thì cao siêu vi diệu:

“Thầy là các con, các con là Thầy” (Đàn cơ 27-7-1926)

Và:

“Thầy là Chư Phật, Chư Phật là Thầy,

Các con là Chư Phật, Chư Phật là các con” (Đàn cơ 24-10-1926)

Ngoài việc chỉ dạy “Thầy đã lập cho các con một Trường thi Công quả tại thế gian này”, Đức Chí Tôn còn chỉ rõ ba con đường do Thầy khai sáng để cho Môn đệ noi theo mà lập vị:

Đó là:

- Lập vị qua hành Đạo tại Cửu Trùng Đài, tức là đi theo phẩm trật Cửu Thiên Khai Hóa gồm 09 phẩm cấp từ Địa Thần đến Thiên Tiên (Còn gọi là Cửu phẩm Thần Tiên).

- Lập vị qua con đường hành Đạo nơi Cơ Quan Phước Thiện đi theo Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng, (Từ phẩm thấp nhất là Minh Đức đến cao nhất là Phật Tử).

- Lập vị qua con đường vào Tịnh Thất luyện Đạo để đoạt vị tại thế.

Nhưng dù đi theo con đường nào đi nữa trong việc lập vị thì người tín đồ Cao Đài cũng phải thực hiện trọn vẹn và đầy đủ Tam Lập.

Nói cách khác, Pháp môn Tam Lập là chiếc đũa Thần giúp cho Môn đệ Cao Đài đi tới hoàn thiện việc tu thân hầu làm tròn Nhơn Đạo để đắc quả thành Thánh, Hiền, Tiên, Phật.

KẾT LUẬN.

Để kết luận, chúng tôi xin trích dẫn một nhận định sau đây của tác giả Nhân Tử (Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ), một học giả uyên thâm về Tam Giáo “Chúng ta sinh ra ở cõi đời này, sau trước cũng phải thực hiện một cuộc hành trình - Không phải là một cuộc hành trình thiên sơn vạn thủy nơi ngoại cảnh, mà chính là một cuộc hành trình nội tâm để tìm Đạo, tìm Trời”. (10)

Trong cuộc hành trình tìm Đạo, tìm Trời, người Môn đệ Cao Đài luôn tâm niệm rằng:

- Thượng Đế luôn ở trong ta.
- Làm chúng sanh hay thành Phật tất cả đều do ta chớ không phải do tha lực từ bên ngoài.

Nhưng muốn đắc quả Thánh, Hiền, Tiên, Phật, trước hết người Môn đệ Cao Đài phải tu tròn Nhơn Đạo. Thánh nhân xưa có câu rằng: “Dục tu Tiên Đạo, tiên tu Nhơn Đạo; Nhơn Đạo bất tu, Tiên Đạo viễn hỹ” (*Muốn tu Tiên Đạo, trước hết phải tu Đạo làm người, Đạo làm người mà không tu, thì Đạo Tiên khó mà đạt được*).

Đức Chí Tôn có dạy:

Buông trôi ví chẳng tròn Nhơn Đạo,

Thì có mong chi đến Đạo Trời.

Trong chặng đường thực hành Nhơn Đạo, với quan niệm rằng “mỗi người đều có Thượng Đế ở trong Tâm”, người tín đồ Cao Đài tự bản thân quyết gìn lòng sửa tánh, dụng công tu tập Pháp môn Tam Lập để trước hết hoàn thiện việc Tu thân, sửa mình ra người Thánh Thiện để phụng sự Vạn linh góp phần khơi lại đóm lửa thiên lương trong lòng nhân thế ngõ hầu xây dựng một Xã hội Thánh Đức, Huỳnh đệ Đại Đồng tại thế này.

Một khi Nhơn Đạo đã thành thì con đường “Phản Bản Huồn Nguyên”, tìm về Thiên Quốc sẽ không xa.

Rõ thật là “Đạo cao thâm, Đạo cao thâm!”

“Trường thi Công quả, Phương thức lập vị và Pháp môn Tam Lập” mà Đức Chí Tôn đề tại mặt thế này có thể nói: “Chỉ có trong cửa Đạo Cao Đài”.

(Biên soạn: HT. NGUYỄN NGỌC DŨ)

PHỤ CHÚ:

(1) (2) *Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp 17-4 Tân Mão (1951)*

(3) *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*, Nguyễn Hiến Lê, NXB Văn hóa, 1994, Chương 38-Thiên Hạ, trg. 221.

(4) *Ib.* Chương 68, trg. 260

(5) *Đức Cao Thượng Sanh*, trích *Thông Tin* số 24 ngày 21-3-1971

(6) Theo *Sứ khảo của Đức Nguyên – Cao Đài Tự Điển*

(7) *Lão Tử - Đạo Đức Kinh*, Q 2, Hạo Nhiên Nghiêm Toàn, NXB Khai Trí, Sài Gòn 1972, trg. 298

(8) *Thuyết Đạo Đức Hộ Pháp 19-4 Tân Mão (1951)*

(9) *Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.*

(10) *Trung dung*, *Con Đường Huyền Nhiệm*, Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.

HẾT